

NGHỊ QUYẾT

CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

- Căn cứ Biên bản họp số 01/2023/BB-TELVINA ngày 21/3/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Ngày 21/3/2023, tại Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam (địa chỉ: Ngõ 41, Đường Yên Thường, Xã Yên Viên - Huyện Gia Lâm - Thành phố Hà Nội, Việt Nam mã số doanh nghiệp: 0100682645), Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam đã được tiến hành họp với sự tham dự của 23 cổ đông và đại diện được ủy quyền, đại diện cho 3.643.958 cổ phần phổ thông, chiếm 73,76% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Điều 2: Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam, với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022:

- Tổng doanh thu: 193,11 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 1,15 tỷ đồng

1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

- Tổng doanh thu: 203,71 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 2,50 tỷ đồng
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu: 5,0%
- Tỷ lệ chi trả cổ tức: 4,0%

Điều 3: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Điều 4: Thông qua về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022, kế

hoạch thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát cho năm tài chính 2023, nội dung cụ thể:

1. Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022.

STT	CHỈ TIÊU	MÃ	Số tiền (đồng)
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tại ngày 31/12/2022	50	1.517.449.686
2	Chi phí thuế TNDN phải nộp	51	358.174.820
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN tại ngày 31/12/2022	60	1.159.274.866
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước tại 31/12/2022	421a	4.507.076
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2022	421	1.163.781.942
6	Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2022		1.163.781.942
6.1	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 3,5% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối ((6)*3,5%)		40.732.368
6.2	Chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty năm 2022 (=32,1% mức thù lao kế hoạch đề ra năm 2022)		70.000.000
6.3	Chi trả cổ tức với tỷ lệ 2,13%/cổ phiếu, tương đương 213 đồng/cổ phiếu (213 đồng * cổ phiếu đang lưu hành là 4.940.000)		1.052.220.000
6.4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chuyển kỳ sau	421	829.574

2. Về kế hoạch thù lao HĐQT và BKS cho năm tài chính 2023.

- Trường hợp hoàn thành (bảng kế hoạch giao) chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2023 thì thù lao HĐQT & BKS bằng 120.000.000 đồng.

- Thù lao HĐQT & BKS trong trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện lớn hơn kế hoạch giao thì cứ 01% lợi nhuận sau thuế vượt so với kế hoạch thì được tăng tối đa 02%; Tổng quỹ thù lao thực hiện của HĐQT & BKS tối đa không quá 20% mức tiền lương thực hiện của Người quản lý chuyên trách năm 2023 (bao gồm thành viên chuyên trách HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách);

- Thù lao HĐQT & BKS trong trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện nhỏ hơn kế hoạch giao thì cứ 01% lợi nhuận sau thuế giảm so với kế hoạch thì giảm 01% so với mức hoàn thành kế hoạch.

- Trong trường hợp Công ty lỗ: không chi thù lao.

3. Về nguyên tắc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 như sau.

Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023 sẽ bằng quỹ khen thưởng phúc lợi thực hiện năm 2022 x (nhân với) tỷ lệ LNST thực hiện năm 2023/LNST thực hiện năm 2022.

Điều 5: Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch thực hiện năm 2023.



Điều 6: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam, cụ thể như sau:

Nhất trí chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC tiếp tục tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đảm bảo về chất lượng kiểm toán, chi phí hợp lý và dịch vụ hỗ trợ tư vấn...

Trong trường hợp đơn vị kiểm toán trên không đáp ứng, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán còn lại có tên trong danh sách công ty kiểm toán độc lập được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận đủ điều kiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty đại chúng, trên cơ sở đề xuất của Ban Kiểm soát Công ty.

Điều 7: Thông qua việc miễn nhiệm 02 thành viên Ban Kiểm soát đã có đơn xin từ nhiệm, gồm:

1. Ông Trịnh Văn Hiền, Thành viên
2. Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan, Thành viên

Điều 8: Thông qua Tờ trình số 43/TTr-TELVINA ngày 21/3/2023 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam, cụ thể như sau:

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi: Ngõ 41 Đường Yên Thường, Xã Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điều 9: Thông qua Tờ trình số 44/TTr-TELVINA ngày 21/3/2023 về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Viễn thông Telvina Việt Nam, cụ thể như sau:

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
1	Điều 2 quy định: - Địa chỉ trụ sở chính: xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.	Sửa đổi Điều 2 đối với nội dung: - Địa chỉ trụ sở chính: Ngõ 41 Đường Yên Thường, Xã Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.	

Bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam được sửa đổi, bổ sung lần thứ tám thay thế cho bản Điều lệ ban hành ngày 19/3/2022.

Điều 10: Thông qua Tờ trình số 27/TTr-TELVINA ngày 22/02/2023 về việc đề nghị thông qua quyết định thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty.

Điều 11: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Điều 12: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Điều 13: Đại hội giao cho Hội đồng quản trị quyền quản lý Công ty theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty kể từ khi kết thúc họp của Đại hội này cho đến kỳ họp của Đại hội lần sau.

Điều 14: Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam biểu quyết thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và toàn thể cổ đông Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết sẽ được lưu giữ tại Hồ sơ của Đại hội tại trụ sở chính của Công ty như những tài liệu quan trọng của Công ty.

CHỦ TỌA
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TN NĂM 2023
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Tô Chí Thành



Số: 02/2023/QĐ-TELVINA

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam;
Căn cứ Biên bản họp số 01/2023/BB-TELVINA ngày 21/03/2023 của Đại hội đồng cổ
đồng thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Viễn Thông Telvina Việt Nam.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM
QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Điều 2: Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam, với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022:

- Tổng doanh thu: 193,11 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 1,15 tỷ đồng

1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

- Tổng doanh thu: 203,71 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 2,50 tỷ đồng
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu: 5,0%
- Tỷ lệ chi trả cổ tức: 4,0%

Điều 3: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Điều 4: Thông qua về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022, kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát cho năm tài chính 2023, nội dung cụ thể:

1. Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022.

STT	CHỈ TIÊU	MÃ	Số tiền (đồng)
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tại ngày 31/12/2022	50	1.517.449.686
2	Chi phí thuế TNDN phải nộp	51	358.174.820
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN tại ngày 31/12/2022	60	1.159.274.866

4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước tại 31/12/2022	421a	4.507.076
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2022	421	1.163.781.942
6	Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2022		1.163.781.942
6.1	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 3,5% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối ((6)*3,5%)		40.732.368
6.2	Chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty năm 2022 (=32,1% mức thù lao kế hoạch đề ra năm 2022)		70.000.000
6.3	Chi trả cổ tức với tỷ lệ 2,13%/cổ phiếu, tương đương 213 đồng/cổ phiếu (213 đồng * cổ phiếu đang lưu hành là 4.940.000)		1.052.220.000
6.4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chuyển kỳ sau	421	829.574

2. Về kế hoạch thù lao HĐQT và BKS cho năm tài chính 2023.

- Trường hợp hoàn thành (bằng kế hoạch giao) chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2023 thì thù lao HĐQT & BKS bằng 120.000.000 đồng.

- Thù lao HĐQT & BKS trong trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện lớn hơn kế hoạch giao thì cứ 01% lợi nhuận sau thuế vượt so với kế hoạch thì được tăng tối đa 02%; Tổng quỹ thù lao thực hiện của HĐQT & BKS tối đa không quá 20% mức tiền lương thực hiện của Người quản lý chuyên trách năm 2023 (bao gồm thành viên chuyên trách HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách);

- Thù lao HĐQT & BKS trong trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện nhỏ hơn kế hoạch giao thì cứ 01% lợi nhuận sau thuế giảm so với kế hoạch thì giảm 01% so với mức hoàn thành kế hoạch.

- Trong trường hợp Công ty lỗ: không chi thù lao.

3. Về nguyên tắc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 như sau.

Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023 sẽ bằng quỹ khen thưởng phúc lợi thực hiện năm 2022 x (nhân với) tỷ lệ LNST thực hiện năm 2023/LNST thực hiện năm 2022.

Điều 5: Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch thực hiện năm 2023.

Điều 6: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam, cụ thể như sau:

Nhất trí chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC tiếp tục tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đảm bảo về chất lượng kiểm toán, chi phí hợp lý và dịch vụ hỗ trợ tư vấn...

Trong trường hợp đơn vị kiểm toán trên không đáp ứng, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán còn lại có tên trong danh sách công ty kiểm toán độc lập được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận đủ điều kiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty đại chúng, trên cơ sở đề xuất của Ban Kiểm soát Công ty.



Điều 7: Thông qua việc miễn nhiệm 02 thành viên Ban Kiểm soát đã có đơn xin từ nhiệm, gồm:

1. Ông Trịnh Văn Hiền, Thành viên
2. Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan, Thành viên

Điều 8: Thông qua Tờ trình số 43/TTr-TELVINA ngày 21/3/2023 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam, cụ thể như sau:

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi: Ngõ 41 Đường Yên Thường, Xã Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điều 9: Thông qua Tờ trình số 44/TTr-TELVINA ngày 21/3/2023 về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Viễn thông Telvina Việt Nam, cụ thể như sau:

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
1	Điều 2 quy định: - Địa chỉ trụ sở chính: xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.	Sửa đổi Điều 2 đối với nội dung: - Địa chỉ trụ sở chính: Ngõ 41 Đường Yên Thường, Xã Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.	

Bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam được sửa đổi, bổ sung lần thứ tám thay thế cho bản Điều lệ ban hành ngày 19/3/2022.

Điều 10: Thông qua Tờ trình số 27/TTr-TELVINA ngày 22/02/2023 về việc đề nghị thông qua quyết định thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty.

Điều 11: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Điều 12: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Điều 13. Điều khoản thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và toàn thể cổ đông Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Tô Chí Thành

BIÊN BẢN HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG TELVINA VIỆT NAM

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG TELVINA VIỆT NAM**

Địa chỉ trụ sở chính: Xã Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 0100682645 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/01/2005.

I. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM:

Hội 8 giờ, ngày 21 tháng 3 năm 2023.

Địa điểm họp: tại trụ sở Công ty - Ngõ 41 Đường Yên Thường, Xã Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

II. THÀNH PHẦN THAM DỰ VÀ TÍNH HỢP LỆ CỦA CUỘC HỌP ĐHĐCĐ:

1. Thành phần tham dự:

- Ông Tô Chí Thành - Thành viên HĐQT
- Ông Trần Hữu Hồng Trường - Thành viên HĐQT

2. Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ:

Ông Nguyễn Hữu Thành - Trưởng Ban Kiểm soát Công ty báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (ĐHĐCĐ), như sau:

- Tổng số cổ đông có quyền dự họp: 288 cổ đông, tương ứng 4.940.000 cổ phần bằng 4.940.000 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Tổng số cổ đông được triệu tập mời tham dự họp: 288 cổ đông, tương ứng 4.940.000 cổ phần bằng 4.940.000 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Tổng số cổ đông tham dự họp: 20 cổ đông, tương ứng 234.585 cổ phần bằng 234.585 phiếu biểu quyết, chiếm 4,75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Tổng số cổ đông ủy quyền tham dự họp: 16 cổ đông, tương ứng 3.409.373 cổ phần bằng 3.409.373 phiếu biểu quyết, chiếm 69,01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Tổng số cổ đông ủy quyền và tham dự họp trực tiếp: 36 người, tương ứng 3.643.958 cổ phần bằng 3.643.958 phiếu biểu quyết, chiếm 73,76% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Tổng số cổ đông vắng mặt (không ủy quyền hoặc không tham dự trực tiếp): 252 cổ đông, tương ứng 1.296.042 cổ phần bằng 1.296.042 phiếu biểu quyết, chiếm 26,24% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Danh sách cổ đông, đại diện cổ đông dự họp chi tiết như sau:

STT	Cổ đông	Địa chỉ	MSDN/CCCD	Số cổ phần năm giữ	Số cổ phần (CP) nhận ủy quyền (UQ)	Tổng	Ghi chú
1	Luyện Thị Bích Châu	1508 CT1 Chung cư Bắc Hà, P.Mỗ Lao, Q.Hà Đông, HN	001157008140	9.365		9.365	
2	Vũ Ngọc Diệp	P209 Nhà 7A TT Trường ĐH Thủy Lợi	012572188	1.500		1.500	
3	Mai Xuân Đại	Số 16 Ngõ 1 Trường Chinh - Thanh Xuân - HN	001060010493	4.000		4.000	
4	Vũ Thị Thúy Hằng	Khu B, Tập thể Nhà máy Vật liệu Bưu điện, Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	001183001712	5.885		5.885	
5	Nguyễn Thị Bích Hiền	Xuân Dục, Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	001173026861	891		891	
6	Ngô Thị Hồng	Xuân Dục - Yên Thường - Gia Lâm - Hà Nội	001155013025	4.491		4.491	
7	Nguyễn Sỹ Hùng	Khu TT Bệnh Viện Đông Anh- Tô 1 TT Đông Anh- Hà Nội	010046000003	4.161		4.161	
8	Vũ Đăng Hùng	Tập thể vật liệu Bưu điện- Yên Thường- Gia Lâm- Hà Nội	001083022443	32		32	
9	Nguyễn Thị Hoàng Lan	CTy CP Vật liệu Bưu điện- Yên Viên- Gia Lâm- Hà Nội	008177000042	232	5.824	6.056	Nhận ủy quyền của các cổ đông: Vũ Việt Thanh 2.000 cổ phần, Ngô Đức Linh 1.578 cổ phần, Nguyễn Văn Cường 899

H. GIA

STT	Cổ đông	Địa chỉ	MSDN/CCCD	Số cổ phần năm giữ	Số cổ phần (CP) nhận ủy quyền (UQ)	Tổng	Ghi chú
							cổ phần, Nguyễn Hoàng Giang 845 cổ phần, Nguyễn Ngọc Lưu 502 cổ phần
10	Nguyễn Ngọc Láng	Yên Viên- Gia Lâm- Hà Nội	001052006971	4143		4143	
11	Phạm Văn Lượng	Đông Trù- Đông Hội- Đông Anh- Hà Nội	010657008	6000		6000	
12	Phó Thị Kim Ngân	số 1- 622/17/15 Hà Huy Tập, Gia Lâm, Hà Nội	033176007533	300	19886	20186	Nhận ủy quyền của các cổ đông: Ngô Xuân Cường, 5.749 cổ phần, Nguyễn Hồng Vinh 5.356 Cổ phần, Dương Văn Hòa 2.899 cổ phần, Hoàng Hữu Lương, 2.000 cổ phần
13	Hoàng Thế Sơn	Lã Côi, Yên Viên, Gia Lâm, HN	001057001477	5.101		5.101	
14	Lê Mai Sơn	TT Vật liệu Bưu điện - Yên Viên - Gia Lâm - HN	012444027	250		250	
15	Nguyễn Sỹ Tiên	Khu A TT Nhà máy vật liệu bưu điện - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	001061015717	7.727		7.727	
16	Nguyễn Hữu Thành	Đình Bảng- Từ Sơn- Bắc Ninh	027060000934	4.302		4.302	
17	Tô Chí Thành	P.06.08 Magarin	001071027886	152.300	3.377.300	3.529.600	Nhận ủy quyền của

006
CÔNG
CỔ P
IÊN T
FELY
IẾT
AM

STT	Cổ đông	Địa chỉ	MSDN/CCCD	Số cổ phần năm giữ	Số cổ phần (CP) nhận ủy quyền (UQ)	Tổng	Ghi chú
		đường Hoàng Minh Giám Cầu Giấy, HN					các cổ đồng: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam 2.940.000 cổ phần, Nguyễn Thúy Hà 850.000 cổ phần, Đặng Mạnh Cường 37.300 cổ phần
18	Nguyễn Minh Thảo	Số 18 ngách 670/37 Tổ 12 Ngô Gia Tự - Đức Giang - Long Biên- Hà Nội	001063017423	1.005		1.005	
19	Dương Thị Thi	Số nhà 49 - Đường Phan Đặng Lưu - Cầu Đổng - Gia Lâm - Hà Nội	001163019985	7.900		7.900	
20	Trần Hữu Hồng Trưởng	23 Tô 1 Vĩnh Phúc, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	001071003792	15.000		15.000	
21	Nguyễn Văn Lý	Khu A Tập thể Nhà máy Vật liệu Bưu điện Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	024076005657	0	2.000	2.000	Nhận ủy quyền của cổ đồng: Nguyễn Kiều Năng 2.000 cổ phần
22	Trịnh Văn Hiền	Khu C Tập thể Nhà máy Vật liệu Bưu điện Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	001077015019	0	3.000	3.000	Nhận ủy quyền của cổ đồng: Đoàn Minh Hùng 3.000 cổ phần
23	Trần Thị Tinh	Công ty Telvina, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	040188009547	0	1.363	1.363	Nhận ủy quyền của cổ đồng: Đỗ Thị

2645-C
TY
IÁN
ÔNG
INA
IAM
T.P HÀ

STT	Cổ đông	Địa chỉ	MSDN/CCCD	Số cổ phần năm giữ	Số cổ phần (CP) nhận ủy quyền (UQ)	Tổng	Ghi chú
							Quyền 1.363 cổ phần
	Cộng			234.585	3.409.373	3.643.958	

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam có đủ điều kiện hợp pháp và được tiến hành theo quy định của pháp luật.

III. DIỄN BIẾN KHAI MẠC CUỘC HỌP CỦA ĐHĐCĐ:

1. Thông qua Chủ tọa, Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu:

Hội đồng quản trị (HDQT) thống nhất và giới thiệu nhân sự tham gia điều hành cuộc họp của ĐHĐCĐ như sau:

1.1. Chủ tọa, gồm:

- Ông Tô Chí Thành - Thành viên HDQT

(Giấy ủy quyền số 26/UQ-HDQT ngày 21/3/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam)

1.2. Chủ tọa đã giới thiệu để ĐHĐCĐ thông qua nhân sự tham gia Ban Thư ký để ghi chép đầy đủ toàn bộ diễn biến của cuộc họp, gồm:

- Ông Trịnh Văn Hiền - Trưởng ban

- Bà Trần Thị Tình - Thành viên

1.3. Chủ tọa giới thiệu để ĐHĐCĐ thông qua nhân sự tham gia Ban Kiểm phiếu làm nhiệm vụ kiểm tra, thống kê kết quả biểu quyết các nội dung họp của ĐHĐCĐ.

Ban Kiểm phiếu gồm:

- Ông Nguyễn Văn Lý - Trưởng ban

- Ông Vũ Đăng Hùng - Thành viên

- Bà Phó Thị Kim Ngân - Thành viên

Đại hội nhất trí thông qua theo hình thức biểu quyết trực tiếp với tỷ lệ biểu quyết như sau:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu hợp lệ: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu tán thành: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua nội dung trên đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

2. Thông qua chương trình họp của ĐHĐCĐ:

Đại hội đã nghe Chủ tọa đọc dự thảo chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Đại hội đồng cổ đông đã thống nhất nội dung chương trình họp bao gồm các nội dung sau:

- Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

- Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

- Thông qua Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam đã kiểm toán năm 2022.

- Thông qua Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022, kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát cho năm tài chính 2023.

- Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch thực hiện năm 2023.

- Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.

- Thông qua về việc miễn nhiệm 02 thành viên Ban Kiểm soát đã có đơn xin từ nhiệm.

- Thông qua Tờ trình về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

- Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Viễn thông Telvina Việt Nam.

- Thông qua quyết định thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty.

- Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

- Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát của Công ty CP Viễn thông Telvina Việt Nam.

- Thông qua Nghị quyết và Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Đại hội nhất trí thông qua theo hình thức biểu quyết trực tiếp với tỷ lệ biểu quyết như sau:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu hợp lệ: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.



- Tổng số phiếu tán thành: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua nội dung trên đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

3. Quy chế biểu quyết tại cuộc họp của ĐHĐCĐ.

Đại hội đã nghe Trường Ban Kiểm phiếu đọc dự thảo Quy chế biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Đại hội nhất trí thông qua theo hình thức biểu quyết trực tiếp với tỷ lệ biểu quyết như sau:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu hợp lệ: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu tán thành: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua nội dung trên đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

IV. Nội dung họp của ĐHĐCĐ.

Với tinh thần làm việc khẩn trương và nghiêm túc, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã thực hiện theo đúng nội dung chương trình họp đã được thông qua, tiến hành thảo luận, biểu quyết thông qua và quyết nghị các vấn đề, cụ thể như sau:

1. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam:

* Đại hội đã nghe Ông Tô Chí Thành trình bày Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam, bản Báo cáo trình ĐHĐCĐ đã được sửa đổi nội dung chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2022 theo thực tế tại Công ty; sửa đổi nội dung chi tiêu tỷ lệ cổ tức năm 2022 trình Đại hội đồng cổ đông và chi tiêu Tổng doanh thu kế hoạch năm 2023 theo ý kiến đề nghị của Cổ đông Tập đoàn VNPT (có bản Báo cáo chi tiết kèm theo).

* Đại hội tiến hành thảo luận các vấn đề nêu trong Báo cáo.

- Không có ý kiến được nêu ra trong phần thảo luận.

00
00
00
00
00
00
00
00

2. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam:

* Đại hội đã nghe Ông Tô Chí Thành trình bày Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam, bản Báo cáo trình ĐHĐCĐ đã được sửa đổi nội dung chỉ tiêu tỷ lệ cổ tức năm 2022 trình Đại hội đồng cổ đông và chỉ tiêu Tổng doanh thu kế hoạch năm 2023 theo ý kiến đề nghị của Cổ đông Tập đoàn VNPT (có bản Báo cáo chi tiết kèm theo).

*** Đại hội tiến hành thảo luận các vấn đề nêu trong Báo cáo.**

- Không có ý kiến được nêu ra trong phần thảo luận.

3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam:

* Đại hội đã nghe Ông Tô Chí Thành trình bày Tờ trình số 24/TTr-TELVINA ngày 22/02/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam về việc đề nghị thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán (có bản Tờ trình kèm theo).

*** Đại hội tiến hành thảo luận các vấn đề nêu trong Tờ trình và Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.**

- Không có ý kiến được nêu ra trong phần thảo luận.

4. Thông qua Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022, kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát cho năm tài chính 2023:

* Đại hội đã nghe Ông Tô Chí Thành trình bày Tờ trình số 42/TTr-TELVINA ngày 21/3/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022, kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát cho năm tài chính 2023, bản Tờ trình ĐHĐCĐ đã được sửa đổi nội dung chỉ tiêu tỷ lệ cổ tức năm 2022, bổ sung nguyên tắc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 theo ý kiến đề nghị của Cổ đông Tập đoàn VNPT (có bản Tờ trình chi tiết kèm theo).

*** Đại hội tiến hành thảo luận các vấn đề nêu trong Tờ trình.**

- Không có ý kiến được nêu ra trong phần thảo luận.

5. Đại hội tiến hành biểu quyết các nội dung:

- Căn cứ Quy chế biểu quyết tại hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, mỗi Cổ đông và Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp được cấp 01 (một) bộ phiếu biểu quyết bao gồm 03 lá phiếu biểu quyết là: “Tán thành” - Màu Xanh, “Không tán thành” - Màu Hồng, “Không có ý kiến” - Màu Trắng do Công ty in, đóng dấu treo và trên lá Phiếu biểu quyết đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

- Căn cứ kết quả kiểm phiếu biểu quyết đã được Ban Kiểm phiếu báo cáo, kết quả biểu quyết như sau:

5.1. Nội dung thứ nhất: Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

82c
GT
HÃ
HỒ
VIN
NA
-1

+ Tổng số phiếu hợp lệ: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu tán thành: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua nội dung trên đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: Căn cứ kết quả biểu quyết, Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5.2. Nội dung thứ hai: Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu hợp lệ: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu tán thành: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua nội dung trên đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: Căn cứ kết quả biểu quyết, Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5.3. Nội dung thứ ba: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu hợp lệ: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

HA 3 VG 15

+ Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu tán thành: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua nội dung trên đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: Căn cứ kết quả biểu quyết, Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5.4. Nội dung thứ tư: Thông qua Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022, kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát cho năm tài chính 2023.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu hợp lệ: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu tán thành: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua nội dung trên đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: Căn cứ kết quả biểu quyết, Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022, kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát cho năm tài chính 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch thực hiện năm 2023:

* Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Hữu Thành - Trưởng Ban Kiểm soát Công ty trình bày Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch thực hiện năm 2023 (có bản Báo cáo kèm theo).

*** Đại hội tiến hành thảo luận các vấn đề nêu trong Báo cáo.**

- Không có ý kiến được nêu ra trong phần thảo luận.

7. Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam:

* Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Hữu Thành - Trưởng Ban Kiểm soát Công ty trình bày Tờ trình số 21/TTr-TELVINA ngày 21/02/2023 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam (có bản Tờ trình kèm theo).

*** Đại hội tiến hành thảo luận các vấn đề nêu trong Tờ trình.**

- Không có ý kiến được nêu ra trong phần thảo luận.

8. Thông qua việc miễn nhiệm 02 thành viên Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam đã có đơn xin từ nhiệm:

* Đại hội đã nghe Ông Tô Chí Thành báo cáo nội dung Đơn xin từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát của ông Trịnh Văn Hiền và bà Nguyễn Thị Hoàng Lan (có các Đơn xin từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát kèm theo).

*** Đại hội tiến hành thảo luận các vấn đề nêu trên.**

- Không có ý kiến được nêu ra trong phần thảo luận.

9. Đại hội tiến hành biểu quyết các nội dung tiếp theo của Chương trình họp đã được ĐHDCĐ thông qua:

- Căn cứ kết quả kiểm phiếu biểu quyết đã được Ban Kiểm phiếu báo cáo, kết quả biểu quyết như sau:

9.1. Nội dung thứ năm: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch thực hiện năm 2023.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu hợp lệ: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu tán thành: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua nội dung trên đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: Căn cứ kết quả biểu quyết, Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch thực hiện năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

9.2. Nội dung thứ sáu: Thông qua Tờ trình số 21/TTr-TELVINA ngày 21/02/2023 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu hợp lệ: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu tán thành: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua nội dung trên đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: Căn cứ kết quả biểu quyết, Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

9.3. Nội dung thứ bảy: Thông qua việc miễn nhiệm 02 thành viên Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam đã có đơn xin từ nhiệm.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu hợp lệ: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu tán thành: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua nội dung trên đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: Căn cứ kết quả biểu quyết, việc miễn nhiệm 02 thành viên Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam đã có đơn xin từ nhiệm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

10. Thông qua Tờ trình thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam:

* Đại hội đã nghe Ông Tô Chí Thành trình bày Tờ trình số 43/TTr-TELVINA ngày 21/3/2023 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam (có Tờ trình kèm theo).

*** Đại hội tiến hành thảo luận các vấn đề nêu trong Tờ trình.**

- Không có ý kiến được nêu ra trong phần thảo luận.

11. Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam:

* Đại hội đã nghe Ông Tô Chí Thành trình bày Tờ trình số 44/TTr-TELVINA ngày 21/3/2023 về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam (có Tờ trình kèm theo).

** Đại hội tiến hành thảo luận các vấn đề nêu trong Tờ trình.*

- Không có ý kiến được nêu ra trong phần thảo luận.

12. Thông qua Tờ trình về việc đề nghị thông qua quyết định thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty:

* Đại hội đã nghe Ông Tô Chí Thành trình bày Tờ trình số 27/TTr-TELVINA ngày 22/02/2023 về việc đề nghị thông qua quyết định thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty (có Tờ trình kèm theo).

** Đại hội tiến hành thảo luận các vấn đề nêu trong Tờ trình.*

- Không có ý kiến được nêu ra trong phần thảo luận.

13. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam:

* Đại hội đã nghe Ông Tô Chí Thành trình bày Tờ trình số 45/TTr-TELVINA ngày 21/3/2023 của HĐQT về việc đề nghị thông qua việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam, nội dung dự thảo tại các Quy chế kèm theo Tờ trình đã được sửa đổi, bổ sung một số nội dung theo các bản mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, theo ý kiến đề nghị của Cổ đông VNPT và phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty hiện nay, cụ thể:

- Đối với Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị:

Điều, khoản	Nội dung dự thảo Quy chế HĐQT đã trình tại Tờ trình số 28/TTr-TELVINA ngày 22/02/2023 của Hội đồng quản trị	Nội dung dự thảo Quy chế HĐQT được sửa đổi, bổ sung tại Tờ trình số 45/TTr-TELVINA ngày 21/3/2023 của Hội đồng quản trị
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.	4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: - Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	<i>Sửa đổi:</i> 4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: - Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các	<i>Sửa đổi, bổ sung:</i> 3. Thành viên được gọi là thành viên độc lập trong Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy chế này phải thông

2645
CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỄN THÔNG
TELWINA
VIỆT NAM
T.P.T

Điều, khoản	Nội dung dự thảo Quy chế HDQT đã trình tại Tờ trình số 28/TTr-TELVINA ngày 22/02/2023 của Hội đồng quản trị	Nội dung dự thảo Quy chế HDQT được sửa đổi, bổ sung tại Tờ trình số 45/TTr-TELVINA ngày 21/3/2023 của Hội đồng quản trị
	<p>tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện.</p>	<p>báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.</p>
<p>Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</p> <p>b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;</p> <p>c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</p>	<p><i>Sửa đổi:</i></p> <p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</p> <p>b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm số lượng theo quy định tại Quy chế này;</p> <p>c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</p>
<p>Điều 9. Ứng cử, đề cử, cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p><i>Bổ sung:</i></p> <p>Điều 9. Ứng cử, đề cử, cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.</p>
<p>Điều 9. Ứng cử, đề cử, cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.</p>		<p><i>Bổ sung:</i></p> <p>1. Ứng cử, đề cử. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ này. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử</p>

Điều, khoản	Nội dung dự thảo Quy chế HĐQT đã trình tại Tờ trình số 28/TTr-TELVINA ngày 22/02/2023 của Hội đồng quản trị	Nội dung dự thảo Quy chế HĐQT được sửa đổi, bổ sung tại Tờ trình số 45/TTr-TELVINA ngày 21/3/2023 của Hội đồng quản trị
		<p>các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.</p> <p>2. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.</p>
Điều 9. Ứng cử, đề cử, cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.	+ Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ trên cao xuống thấp và đạt tỷ lệ phiếu bầu từ 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.	<i>Sửa đổi (tại khoản 2):</i> + Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.	(khoản 1) - Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).	<i>Sửa đổi (khoản 1):</i> - Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị.		<i>Bổ sung:</i> 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

- Đối với Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát:

Điều, khoản	Nội dung dự thảo Quy chế BKS đã trình tại Tờ trình số 28/TTr-TELVINA ngày 22/02/2023 của Hội đồng quản trị	Nội dung dự thảo Quy chế BKS được sửa đổi, bổ sung tại Tờ trình số 45/TTr-TELVINA ngày 21/3/2023 của Hội đồng quản trị
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát.	Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát. 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử	<i>Sửa đổi:</i> Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát. 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ

	<p>viên Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử ứng cử viên Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban Kiểm soát.</p> <p>c) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông, Ban Kiểm soát đề cử thấp hơn số ứng cử viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.</p> <p>Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định.</p>	<p>thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử ứng cử viên Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban Kiểm soát.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p>
<p>Điều 8. Ứng cử, đề cử, cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.</p>	<p>Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.</p>	<p><i>Sửa đổi:</i> Điều 8. Ứng cử, đề cử, cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.</p>
<p>Điều 8. Ứng cử, đề cử, cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.</p>		<p><i>Bổ sung:</i> 1. Ứng cử, đề cử, thành viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ</p>

		đồng năm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.
--	--	---

(có Tờ trình và dự thảo các Quy chế kèm theo).

*** Đại hội tiến hành thảo luận các vấn đề nêu trong Tờ trình và dự thảo các Quy chế.**

- Không có ý kiến được nêu ra trong phần thảo luận.

14. Đại hội tiến hành biểu quyết các nội dung tiếp theo của Chương trình họp đã được ĐHĐCĐ thông qua:

- Căn cứ kết quả kiểm phiếu biểu quyết đã được Ban Kiểm phiếu báo cáo, kết quả biểu quyết như sau:

14.1. Nội dung thứ tám: Thông qua Tờ trình số 43/TTr-TELVINA ngày 21/3/2023 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu hợp lệ: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu tán thành: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua nội dung trên đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: Căn cứ kết quả biểu quyết, việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

14.2. Nội dung thứ chín: Thông qua Tờ trình số 44/TTr-TELVINA ngày 21/3/2023 về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Viễn thông Telvina Việt Nam.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu hợp lệ: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu tán thành: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua nội dung trên đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: Căn cứ kết quả biểu quyết, việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Viễn thông Telvina Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

14.3. Nội dung thứ mười: Thông qua Tờ trình số 27/TTr-TELVINA ngày 22/02/2023 về việc đề nghị thông qua quyết định thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu hợp lệ: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu tán thành: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua nội dung trên đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: Căn cứ kết quả biểu quyết, việc đề nghị thông qua quyết định thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

14.4. Nội dung thứ mười một: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu hợp lệ: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu tán thành: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

45-C
Y
N
NG
IA
AM
PHA

- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua nội dung trên đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: Căn cứ kết quả biểu quyết, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

14.5. Nội dung thứ mười hai: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu hợp lệ: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu tán thành: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua nội dung trên đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: Căn cứ kết quả biểu quyết, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

15. Đại hội thông qua dự thảo Nghị quyết, Quyết định và Biên bản họp của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty (bản dự thảo Quyết định số 01/2023/QĐ-TELVINA kèm theo tài liệu họp đã được bổ sung đầy đủ các nghị quyết, quyết định được ĐHĐCĐ thông qua).

* Ông Trịnh Văn Hiền – Trưởng Ban Thư ký trình bày toàn văn dự thảo Nghị quyết, Quyết định và Biên bản họp của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty.

* Đại hội tiến hành thảo luận các vấn đề nêu trong dự thảo Nghị quyết, Quyết định và Biên bản họp.

- Không có ý kiến được nêu ra trong phần thảo luận.

* Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua Nghị quyết, Quyết định và Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 với kết quả như sau:

- Tổng số phiếu biểu quyết: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu hợp lệ: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

+ Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu tán thành: 3.643.958 phiếu tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua nội dung trên đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết luận: Nghị quyết, Quyết định và Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

V. Các quyết định được ĐHĐCĐ thông qua gồm:

- Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam, tỷ lệ biểu quyết thông qua đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam, tỷ lệ biểu quyết thông qua đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Thông qua Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam đã kiểm toán năm 2022, tỷ lệ biểu quyết thông qua đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Thông qua Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022, kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát cho năm tài chính 2023, tỷ lệ biểu quyết thông qua đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch thực hiện năm 2023, tỷ lệ biểu quyết thông qua đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023, tỷ lệ biểu quyết thông qua đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Thông qua về việc miễn nhiệm 02 thành viên Ban Kiểm soát đã có đơn xin từ nhiệm, tỷ lệ biểu quyết thông qua đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Thông qua Tờ trình về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam, tỷ lệ biểu quyết thông qua đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Viễn thông Telvina Việt Nam, tỷ lệ biểu quyết thông qua đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Thông qua quyết định thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty, tỷ lệ biểu quyết thông qua đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam, tỷ lệ biểu quyết thông qua đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát của Công ty CP Viễn thông Telvina Việt Nam, tỷ lệ biểu quyết thông qua đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Thông qua Nghị quyết, Quyết định và Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam, tỷ lệ biểu quyết thông qua đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.



VI. BẾ MẠC HỘI NGHỊ CỦA ĐHĐCD.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam được lập vào hồi 10h55 phút cùng ngày.

Biên bản được lập với chữ ký của Chủ tọa và Ban Thư ký như dưới đây.

Ban Chủ tọa tuyên bố bế mạc hội nghị của ĐHĐCD.

Cuộc họp kết thúc vào 11h00 phút ngày 21/3/2023.



**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Tô Chí Thành

**TM. BAN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN**

Trịnh Văn Hiền

Số: 26/UQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2023

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam;

Theo yêu cầu nhiệm vụ công tác của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam; Người đại diện một phần vốn của Cổ đông Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

Tôi là: **Nguyễn Thanh Hải** - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam; Người đại diện một phần vốn của Cổ đông Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (Chứng minh nhân dân số: 001074003487).

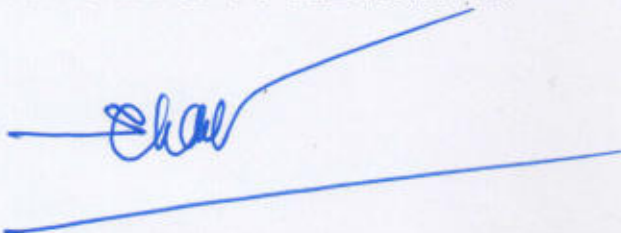
Nay, tôi ủy quyền cho ông **Tô Chí Thành** - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam; Người đại diện một phần vốn của Cổ đông Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam được thay tôi thực hiện các công việc sau:

1. Được thay tôi chủ trì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty tổ chức vào ngày 21/3/2023, đại diện ký các văn bản, tài liệu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

2. Được thay tôi thực hiện quyền biểu quyết của Người đại diện vốn của Cổ đông Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam đã giao cho tôi biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

NGƯỜI NHẬN ỦY QUYỀN
ỦY VIÊN HĐQT
CÔNG TY CP VT TELVINA VN



Tô Chí Thành

NGƯỜI ỦY QUYỀN
CHỦ TỊCH HĐQT
CÔNG TY CP VT TELVINA VN



Nguyễn Thanh Hải



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM

Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội
VĐL: 50.000.000.000 VND

-----*



TÀI LIỆU HỌP

CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM

Tại ngày 21 tháng 3 năm 2023

Tháng 3/2023



DỰ THẢO CHƯƠNG TRÌNH HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Tại ngày 21/3/2023

THỜI GIAN	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	THỰC HIỆN
7h30 - 8h00	Đón tiếp Đại biểu và phát tài liệu	Ban tổ chức
8h00 - 8h10	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của cổ đông đăng ký tham dự Đại hội và điều kiện tiến hành tổ chức họp ĐHĐCĐ TN năm 2023	Ban Kiểm soát
8h10 - 8h20	Khai mạc	Đoàn Chủ tọa
8h20 - 8h30	Giới thiệu và thông qua danh sách nhân sự Ban Thư ký, thông qua danh sách nhân sự Ban Kiểm phiếu	
8h30 - 8h40	Thông qua Chương trình họp	
8h40 - 9h	Thông qua Quy chế biểu quyết	Ban Kiểm phiếu
9h00 - 9h30	Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Hội đồng quản trị	Đoàn Chủ tọa
9h30 - 10h	Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Công ty	
10h00 - 10h15	Thông qua Báo cáo tài chính của Công ty đã kiểm toán năm 2022	
10h15 - 10h30	Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022, kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát cho năm tài chính 2023	Ban Kiểm soát
10h30 - 11h	Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch thực hiện năm 2023	
11h00 - 11h05	Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023	Đoàn Chủ tọa
11h05 - 11h10	Thông qua việc miễn nhiệm 02 thành viên Ban Kiểm soát đã có đơn xin từ nhiệm	
11h10 - 11h15	Thông qua Tờ trình thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam	Đoàn Chủ tọa
	Thông qua Tờ trình sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Viễn thông Telvina Việt Nam	Đoàn Chủ tọa
11h15 - 11h20	Thông qua quyết định thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty	Đoàn Chủ tọa
11h20 - 11h45	Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát	Đoàn Chủ tọa
11h45 - 12h00	Thông qua Nghị quyết, Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	Ban Thư ký
12h00 - 12h15	Bế mạc	Đoàn Chủ tọa

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

DỰ THẢO QUY CHẾ BIỂU QUYẾT

TẠI HỘI NGHỊ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam; Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam thực hiện biểu quyết thông qua các quyết định theo nội dung quy định dưới đây:

Điều 1: Đối tượng áp dụng

- Cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam có tên trong Danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng là ngày 20/02/2023.

Điều 2: Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu gồm 03 người do Đoàn Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm: Giới thiệu dự thảo Quy chế biểu quyết, phiếu biểu quyết; Tiến hành kiểm phiếu; Công bố kết quả biểu quyết trước hội nghị Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3: Phiếu và cách thức biểu quyết thông qua các quyết định

1. Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông tại ngày tổ chức họp. Mỗi cổ đông được cấp 01 (một) bộ phiếu biểu quyết bao gồm 03 lá phiếu biểu quyết là: “Tán thành” - Màu Xanh, “Không tán thành” - Màu Hồng, “Không có ý kiến” - Màu Trắng; trên lá Phiếu biểu quyết đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
(Khi nhận phiếu biểu quyết tham dự hội nghị, cổ đông phải kiểm tra lại xem tổng số phiếu biểu quyết ghi trên các tờ phiếu có đúng bằng số cổ phần mình đã đăng ký hay không. Nếu không đúng thì gặp ngay Ban tổ chức để kiểm tra và xác nhận lại.)
2. Dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết 01 (một) ý kiến “Tán thành”, hoặc “Không tán thành”, hoặc “Không có ý kiến” đối với mỗi một vấn đề bằng cách giơ phiếu biểu quyết trực tiếp tại hội nghị. Khi tiến hành biểu quyết từng nội dung tại hội nghị: các cổ đông biểu quyết tán thành thông qua thì giơ lá phiếu biểu quyết màu Xanh lên cao, nếu không tán thành hoặc không có ý kiến thì sẽ chưa biểu quyết lần này; tiếp theo tương tự đối với ý kiến biểu quyết không tán thành và không có ý kiến sẽ lần lượt giơ cao lá phiếu màu Hồng hoặc màu Trắng tương ứng.
3. Phiếu biểu quyết không hợp lệ là phiếu không do Ban tổ chức phát hành, phiếu có gạch xóa, sửa chữa nội dung mà không có xác nhận.

Điều 4: Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu và điều kiện để nghị quyết được thông qua.

1. Đối với biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết: cứ 01 (một) cổ phần tương đương với 01 (một) phiếu biểu quyết.
2. Thành viên Ban Kiểm phiếu sẽ ghi tổng hợp lại số phiếu biểu quyết lần lượt của các cổ đông biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến của mỗi cổ đông tham gia biểu quyết đối với mỗi nội dung tham gia biểu quyết tương ứng.
 - + Trường hợp đại biểu không giơ Phiếu biểu quyết trong cả ba lần giơ Phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến của một nội dung thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó.
 - + Trường hợp đại biểu giơ cao Phiếu biểu quyết nhiều hơn một lần khi biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không ý kiến của một nội dung thì được xem như biểu quyết không hợp lệ
3. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
4. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, gồm: Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Tổ chức lại, giải thể Công ty.

Điều 5: Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu.

- Nội dung biên bản kiểm phiếu biểu quyết bao gồm: tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, số phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, số và tỷ lệ phiếu biểu quyết tán thành, phiếu biểu quyết không tán thành và phiếu biểu quyết không có ý kiến cho từng nội dung biểu quyết.
- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước hội nghị Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6:

- Những khiếu nại về việc biểu quyết sẽ do Đoàn Chủ tọa giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Bản dự thảo Quy chế này được đọc công khai trước hội nghị Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua. *Handwritten mark*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Handwritten signature

Nguyễn Thanh Hải

Số: 40/BC-TELVINA

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2023

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Kính thưa các quý vị cổ đông!

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam xin trân trọng báo cáo với Đại hội về hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) trong năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Hội đồng quản trị, như sau:

PHẦN I

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2022.

1. Đánh giá chung về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2022.

Hội đồng quản trị hoạt động có 03 thành viên, gồm: ông Nguyễn Thanh Hải là Chủ tịch HĐQT, ông Tô Chí Thành và ông Trần Hữu Hồng Trường là Ủy viên HĐQT.

Trong năm 2022, thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ, HĐQT đã tổ chức 01 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022; tổ chức 12 cuộc họp bằng hình thức trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản để tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT và các vấn đề trọng tâm liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, như: triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; kiểm điểm đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty 6 và 9 tháng đầu năm, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ và giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả; đồng thời chỉ đạo, quản lý, giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc trong việc thực thi các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT trong năm 2022; thống nhất các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và theo đề xuất, kiến nghị của Tổng Giám đốc. Các nghị quyết, quyết định được HĐQT thống nhất và ban hành đúng với quy định, giúp Công ty tổ chức thực hiện nhiệm vụ SXKD đạt hiệu quả.

Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành trong năm 2022, gồm:

264
TY
AN
ION
INA
IAN
I.P)

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Quyết định số 09/QĐ-HĐQT	19/3/2022	Về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.	Đại hội đồng cổ đông thông qua 100%
2	Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT	15/02/2022	Thông qua ngày tổ chức họp, nội dung chương trình và tài liệu họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.	100%
3	Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT	30/3/2022	Thông qua về việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên 2022 về chi trả cổ tức bằng tiền năm tài chính 2021 và chi trả thủ lao năm 2021 cho HĐQT, BKS	100%
4	Nghị quyết số 25/NQ-HĐQT	25/5/2022	Thông qua Hợp đồng kinh tế ký kết giữa Liên danh VINA OFC- TELVINA với Công ty Dịch vụ vật tư	100%
5	Nghị quyết số 26/NQ-HĐQT	31/5/2022	Thông qua Hợp đồng kinh tế ký kết giữa Liên danh VINA OFC- TELVINA với Công ty Dịch vụ vật tư	100%
6	Nghị quyết số 40/NQ-HĐQT	11/7/2022	Thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ.	100%
7	Nghị quyết số 41/NQ-HĐQT	11/7/2022	Thông qua về việc vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank).	100%
8	Quyết định số 42/QĐ-HĐQT	20/7/2022	Về việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty.	100%
9	Nghị quyết số 43/NQ-HĐQT	28/7/2022	Thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank).	100%
10	Quyết định số 48/2022/QĐ- HĐQT	12/9/2022	Về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.	100%
11	Nghị quyết số 56/NQ-HĐQT	11/10/2022	Về việc phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022.	100%
12	Nghị quyết số 76/NQ-HĐQT	23/12/2022	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.	100%

2. Đánh giá về hoạt động của các thành viên HĐQT năm 2022.

Trong năm 2022, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên HĐQT, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Tập đoàn.

Bên cạnh việc thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ chung đối với các hoạt động của HĐQT, mỗi thành viên HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ của mình, cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ trong việc lập và triển khai kế hoạch hoạt động năm, tổ chức họp, lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành các nghị quyết, quyết định, thông báo của HĐQT; chỉ đạo quản lý và giám sát các hoạt động triển khai thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT.

- Các thành viên HĐQT đã tích cực thực hiện nhiệm vụ quản lý, giám sát và chỉ đạo triển khai các lĩnh vực hoạt động nhằm thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty đạt hiệu quả tối ưu nhất.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị:

* Về thù lao: trong năm 2022, Công ty chưa thực hiện chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị.

* Về các chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị: trong năm 2022, Công ty đã chi hoạt động của HĐQT với tổng số tiền là 28.400.000 đồng/năm.

* Về lợi ích khác của Hội đồng quản trị: không có.

* Về các chi phí hoạt động của thành viên HĐQT: trong năm 2022, Công ty đã chi phí hoạt động cho từng thành viên với tổng số tiền là 10.000.000 đồng/người/năm.

* Về lợi ích khác của thành viên HĐQT: Không có.

4. Báo cáo về giao dịch giữa Công ty và các bên có liên quan trong năm 2022.

4.1. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không có.

4.2. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có.

4.3. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): trong năm, Công ty có giao dịch mua bán hàng hóa với 02 đơn vị là Công ty cổ phần Cấp quang Việt Nam VINA-OFC, Công ty Cổ phần Vinacap Kim Long có thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đã và

đang là thành viên HĐQT của các đơn vị đó, nội dung chi tiết nêu tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2022 và đã được công bố thông tin.

4.4. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: trong năm, Công ty có giao dịch mua bán hàng hóa với đơn vị Công ty TNHH MTV Cơ điện ELMACO có người có liên quan của Kế toán trưởng Công ty là Giám đốc điều hành của đơn vị đó, nội dung chi tiết nêu tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2022 và đã được công bố thông tin.

5. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty:

- Hội đồng quản trị thực hiện giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty đã thực hiện quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ Công ty.

- Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị đã phê duyệt và ban hành.

- Trong quá trình điều hành, Tổng Giám đốc Công ty đã tuân thủ theo đúng phân cấp quản lý tại Điều lệ và quy chế nội bộ của Công ty, cũng như các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

6. Kết quả thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong năm 2022.

Năm 2022, HĐQT đã chỉ đạo triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông như sau:

6.1. HĐQT đã chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm.

Năm 2022, Công ty tiếp tục có nhiều khó khăn trong công tác bán hàng do sản phẩm Công ty đang sản xuất mang tính đơn ngành, kết quả doanh thu phụ thuộc hoàn toàn vào kế hoạch phát triển mạng lưới và đầu tư của nhà mạng viễn thông, truyền hình. Tỷ giá USD trong năm tăng cao hơn 8,4% so với năm 2021 khiến giá nguyên liệu đầu vào nhập khẩu cao, dẫn đến giá thành sản xuất tăng, chi phí tài chính tăng, trong khi giá bán không được điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế thị trường và sự khó khăn do các vấn đề hậu đại dịch covid như: thiếu hụt nhân sự, logistic toàn cầu khó khăn, áp lực với chuỗi cung ứng toàn cầu... khiến nguồn cung nguyên liệu nhiều thời điểm khan hiếm, khủng hoảng kinh tế, lạm phát... khiến các Nhà mạng viễn thông cắt giảm hoặc chậm triển khai đầu tư, khiến thị trường sụt giảm, cạnh tranh khốc liệt về giá thành. Sự hạn chế về nguồn vốn kinh doanh cũng là một trong những yếu tố làm giảm khả năng tham gia thực hiện các gói thầu/hợp đồng có thời hạn thanh toán kéo dài như với các

đơn vị trong lĩnh vực truyền hình. Thiết bị máy móc sau hơn mười năm khai thác bắt đầu đến chu kỳ phải sửa chữa và thay thế ngày càng nhiều hơn. Nhận định tình hình sẽ rất khó khăn, ngay từ đầu năm HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty đã chỉ đạo sát sao thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí giảm giá thành, đẩy mạnh công tác bán hàng, quản lý hiệu quả dòng tiền và áp dụng điều khoản thanh toán ít rủi ro, tổ chức quản lý và điều độ sản xuất để tiết kiệm vật tư, hạn chế tối đa sản phẩm không phù hợp, phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2022 đạt được kết quả tối ưu nhất, cụ thể: chỉ tiêu tổng doanh thu đạt được 193,1 tỷ đồng = 87,8% kế hoạch 2022, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế TNDN đạt được 1,15 tỷ đồng = 33,8% kế hoạch 2022, chỉ tiêu tỷ suất LNST/VCSH đạt được 2,32% = 33,8% kế hoạch 2022; chỉ tiêu tỷ lệ cổ tức năm 2022 trình Đại hội đồng cổ đông chi trả là 2,13% = 35,5% kế hoạch năm 2022.

6.2. HĐQT đã chỉ đạo trích lập các quỹ, chi trả thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông và hoàn thành chi trả cổ tức năm tài chính 2021 cho các cổ đông với tỷ lệ 5,67% trên mệnh giá cổ phiếu, tương ứng với số tiền 2.800.980.000 đồng.

6.3. HĐQT đã chỉ đạo hoàn thành các nghị quyết khác của Đại hội đồng cổ đông trong năm 2022.

PHẦN II

BÁO CÁO KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2023

Trong năm 2023, HĐQT sẽ tiếp tục duy trì chế độ họp định kỳ theo quy định và tổ chức các phiên họp dưới hình thức trực tiếp, trực tuyến, lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT để triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thực hiện các vấn đề liên quan đến quản trị Công ty và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của năm 2023 trong toàn Công ty, cụ thể:

1. Hội đồng quản trị thống nhất trình ĐHCĐ thông qua các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh thực hiện trong năm 2023, như sau:

- ✦ Tổng doanh thu: 203,7 tỷ đồng.
- ✦ Nộp ngân sách Nhà nước: 10,5 tỷ đồng.
- ✦ Tổng lợi nhuận sau thuế: 2,5 tỷ đồng.
- ✦ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn đầu tư chủ sở hữu: 5%.
- ✦ Tỷ lệ chi trả cổ tức: 4,0%/cổ phiếu.

2. Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đưa ra các giải pháp trọng tâm nhằm khai thác các nguồn lực hiệu quả, đa dạng hóa sản phẩm,

mở rộng thị trường, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, đồng thời bảo toàn vốn của Công ty.

3. Thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, trong triển khai các kế hoạch phát triển thị trường kinh doanh, kế hoạch đầu tư và phát triển, cũng như quá trình thực hiện các biện pháp chính trong thực hiện nhiệm vụ nêu tại Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Công ty.

Trên đây là nội dung báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Bản Báo cáo này thay thế cho bản Báo cáo số 22/BC-TELVINA ngày 22/02/2023 của Hội đồng quản trị về Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Hải

Số: 41 /BC-TELVINA

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 CỦA CÔNG TY CP VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Kính thưa các quý vị cổ đông!

Kết thúc một năm hoạt động, được sự ủy quyền của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Công ty.

Phần I: BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh với	
				KH 2022	TH 2021
1	Tổng doanh thu	220.000	193.112	87,8%	91,9%
	Trong đó:				
	- Tổng doanh thu trong VNPT	83.000	75.411	90,9%	92,4%
	- Tổng doanh thu ngoài VNPT	137.000	117.701	85,9%	91,6%
2	Lợi nhuận sau thuế	3.420	1.159	33,8%	36,2%
3	Nộp ngân sách nhà nước	14.050	11.812	84,1%	84,1%
4	Tỷ lệ cổ tức	6,0%	Dự kiến 2,13%	35,5%	37,5%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	6,84%	2,32%	33,8%	36,2%

2. Các chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính tại ngày 31/12/2022

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số đầu năm	Số cuối năm Tại 31/12/2022
I	Tổng tài sản	Đồng	115.038.598.308	123.400.964.809
1	Tài sản ngắn hạn	Đồng	105.373.896.357	115.205.280.752
2	Tài sản dài hạn	Đồng	9.664.701.951	8.195.684.057
II	Tổng nguồn vốn	Đồng	115.038.598.308	123.400.964.809
1	Nợ phải trả	Đồng	32.822.590.114	43.222.756.669
2	Vốn chủ sở hữu	Đồng	82.216.008.194	80.178.208.140

* Các chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
1	Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	8,4	6,6
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	91,6	93,4
1.2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	28,53	35,0
	- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	71,47	65,0
2	Khả năng thanh toán			
2.1	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	4,25	3,25
2.2	Khả năng thanh toán nợ nhanh	Lần	2,71	1,67
2.3	Khả năng thanh toán nợ bằng tiền	Lần	0,99	0,35

3. Đánh giá kết quả hoạt động trong năm 2022.

3.1. Một số khó khăn và hạn chế.

⚡ Trong năm, Công ty chủ yếu thực hiện các đơn hàng đã ký kết với đơn vị ngoài Tập đoàn VNPT với chỉ số doanh thu ngoài VNPT chiếm tỷ trọng 61%/tổng doanh thu, kết quả không đạt kế hoạch là do sản phẩm công ty đang cung cấp có đặc thù là sản phẩm công nghiệp, nhu cầu của thị trường thay đổi theo từng giai đoạn và phụ thuộc hoàn toàn vào kế hoạch phát triển mạng lưới và đầu tư của nhà mạng viễn thông, truyền hình.

Doanh thu trong Tập đoàn VNPT đạt 75,4 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 39%/tổng doanh thu, kết quả không đạt kế hoạch là do gói thầu mua sắm tập trung dây thuê bao

quang chưa được thực hiện; gói thầu mua sắm tập trung cấp quang với doanh thu kế hoạch được xây dựng dựa trên tính toán chu kỳ đầu tư mua sắm theo năm của Tập đoàn, tuy nhiên gói thầu mới bắt đầu được triển khai đấu thầu đầu vào tháng 04/2022, ký hợp đồng cuối tháng 5/2022 và tới đầu tháng 6/2022 mới bắt đầu triển khai đơn hàng đầu tiên.

⚡ Trong 6 tháng đầu năm, do các hợp đồng mua sắm tập trung của Tập đoàn VNPT mới bắt đầu triển khai đơn hàng đầu tiên vào đầu tháng 06/2022 nên Công ty chủ yếu tìm kiếm doanh thu từ thị trường ngoài VNPT và duy trì sản xuất ở mức cầm cự với giá trị doanh thu đạt 72,17 tỷ. Sang tới Quý III/2022, với việc hợp đồng mua sắm tập trung của Tập đoàn VNPT đã được triển khai cùng sự nỗ lực của Công ty trong việc tiếp tục phát triển doanh thu thị trường ngoài Tập đoàn VNPT, doanh thu Quý III/2022 đạt 57,7 tỷ, với mức tăng trưởng đạt 162% so với doanh thu bình quân Quý của 6 tháng đầu năm 2022.

⚡ Tình hình kinh tế - chính trị thế giới có nhiều biến động, các vấn đề hậu đại dịch covid như: thiếu hụt nhân sự, logistic toàn cầu khó khăn, áp lực với chuỗi cung ứng toàn cầu... khiến nguồn cung nguyên liệu khan hiếm, giá xăng dầu tăng cao, lạm phát ở hầu hết các quốc gia trên thế giới có xu thế tăng cao liên tục, kèm theo đó là hậu quả từ các cấm vận do tình hình chiến sự ở khu vực Đông Âu trong thời gian qua và các thay đổi trong chính sách quản lý của các quốc gia lớn trên Thế giới đã dẫn tới các hệ lụy như:

- ✓ Nhiều nguyên liệu rơi vào tình trạng khan hiếm và giá tăng cao do tình hình chiến sự ở Đông Âu (như: nhựa, dầu..);
- ✓ Giá và nguồn cung nguyên liệu Thép biến động do Chính sách của chính phủ Trung Quốc trong việc hạn chế sản xuất, cắt giảm xuất khẩu, tăng thuế xuất khẩu, loại bỏ sự hỗ trợ về giá đối với doanh nghiệp xuất khẩu (hoàn thuế)...;
- ✓ Giá nguyên liệu nói chung có biến động lớn, trong năm 2022, giá vật tư đầu vào phục vụ sản xuất cấp quang tăng bình quân 20% so với đơn giá cùng kỳ năm 2021.
- ✓ Chi phí vận chuyển trong nước tăng cao trên 40% so với giá cùng kỳ năm 2021 do biến động tăng cao của giá nhiên liệu.
- ✓ Chi phí logistic toàn cầu cũng tăng cao kèm theo thời gian giao hàng kéo dài (gồm cả vận tải hàng không và vận tải biển) do 5 nguyên nhân chính gồm có:
 - i) Giá xăng dầu tăng cao.
 - ii) Sự tăng trưởng bùng nổ ở thị trường bán lẻ trực tuyến tại các quốc gia phát triển khiến khối lượng nhập khẩu tăng kỷ lục gây căng thẳng lên chuỗi cung ứng và hoạt động logistics toàn cầu.
 - iii) Cơ sở hạ tầng logistics hiện tại không theo kịp nhu cầu vận chuyển hàng hóa.
 - iv) Tình trạng thiếu lao động cũng khiến các nhà nhập khẩu và đơn vị logistics phát sinh tăng chi phí vận hành dẫn tới chi phí logistics tăng theo.
 - v) Các lệnh trừng phạt giữa các quốc gia trong bối cảnh tình hình chiến sự khu vực Đông Âu căng thẳng khiến nhiều đơn vị vận chuyển phải điều chỉnh lộ trình vận chuyển dẫn tới quãng đường trong lộ trình phải kéo dài dẫn tới tăng chi phí.

✚ Mặc dù tình trạng khan hiếm vật tư, giá cả nguyên liệu đầu vào và chi phí logistic tăng cao ảnh hưởng lớn tới giá thành sản phẩm nhưng đơn giá sản phẩm cấp quang của Công ty không thể tăng giá bởi những lí do sau:

✓ Các đơn hàng ký kết cuối năm 2021 và tiếp tục mở rộng trong năm 2022 với khách hàng đã được cam kết về đơn giá theo hợp đồng đấu thầu năm 2021. Trong các tháng đầu năm, Công ty phải lựa chọn tiếp tục mở rộng các đơn hàng với đơn giá cam kết nhằm mục tiêu duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo duy trì công việc và đời sống cho người lao động.

✓ Các gói thầu mua sắm tập trung của Tập đoàn có đơn giá phê duyệt thấp, chưa phù hợp với tình hình thực tế thị trường, đơn giá phê duyệt còn giảm so với đơn giá xây dựng từ đầu năm 2021. Để Công ty có cơ hội trúng thầu, đảm bảo duy trì công việc cho người lao động thì Công ty bắt buộc phải cân đối để có đơn giá chào thấp hơn giá dự toán.

✓ Việc các đơn hàng đấu thầu và có các dự án mở rộng được tính toán đơn giá dựa trên giá vật tư được các hãng sản xuất báo giá theo chu kỳ mỗi quý và đơn giá đấu thầu được phê duyệt thấp, giá chào thầu để trúng thầu đảm bảo cạnh tranh luôn phải thấp hơn mức nhất định so với giá gói thầu dẫn tới nếu các hãng vật tư điều chỉnh giá tăng quá cao cho các kì báo giá sau thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả SXKD và khả năng tiếp nhận các hợp đồng mở rộng với đơn giá áp dụng là giá gói thầu.

✓ Trong thời gian qua, khách hàng đã nhiều lần có nhu cầu mở rộng cho Quý 3 & Quý 4/2022 của các hợp đồng đấu thầu năm 2021 và áp dụng đơn giá cũ của gói thầu, tuy nhiên với biến động giá vật tư và giá xăng dầu tăng liên tiếp như 9 tháng đầu năm, Công ty đã buộc phải từ chối nhu cầu dẫn tới doanh thu thực hiện đã và sẽ giảm so với kế hoạch.

✚ Doanh thu xuất khẩu dự kiến không đạt kế hoạch do các đơn hàng xuất khẩu của Công ty phần lớn thực hiện với thị trường Lào, trong khi đó nước Lào năm vừa qua trải qua thời kì khủng hoảng kinh tế và lạm phát tăng cao (giá xăng dầu tăng cao và không có nguồn cung, đồng tiền Kip mất giá, nợ của Quốc gia rất cao nhưng Ngân hàng quốc gia không có khả năng thanh toán..) làm ảnh hưởng đến chính sách điều hành chung và làm chậm tốc độ phát triển hạ tầng viễn thông của nước bạn. Kèm theo đó, do các yếu tố không mấy tích cực về chất lượng tín dụng của Lào dẫn đến các hợp đồng với đối tác có thêm các yêu cầu về thanh toán trả chậm, dựa trên đánh giá việc thanh toán trả chậm tiềm ẩn rủi ro đã phần nào ảnh hưởng đến khả năng triển khai hợp đồng xuất khẩu của Công ty.

✚ Thiết bị máy móc sản xuất sau hơn mười hai năm khai thác bắt đầu đến chu kỳ phải sửa chữa, bảo dưỡng và thay thế phát sinh nhiều. Chất lượng và trình độ của đội ngũ kỹ thuật chưa cao dẫn tới Công ty chưa tạo được lợi thế cạnh tranh trong việc nắm bắt các kỹ thuật công nghệ, sản phẩm mới của Ngành.

✚ Biến động của tỷ giá trong năm 2022 tăng 8,4% so với năm 2021. Trong khi đó nguyên vật liệu chính đầu vào phải nhập khẩu chiếm tỷ trọng cao trong giá thành cũng dẫn đến chi phí nguyên vật liệu, chi phí tài chính cũng tăng theo.



Như vậy, các khó khăn liên quan đến các biến động về giá cả nêu trên đã khiến cho các hoạt động liên quan đến sản xuất cáp sợi quang không phát sinh hiệu quả dẫn tới chỉ số hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty đã giảm nhiều so với kế hoạch. Lợi nhuận của Công ty đã được bù đắp từ các đơn hàng sản xuất cáp thông tin sợi đồng.

3.2. Về công tác bán hàng.

- Công ty đã xây dựng kế hoạch tiêu thụ sản phẩm năm 2022 dựa trên cơ sở nắm bắt thông tin về định hướng phát triển của các nhóm khách hàng chính, trong đó doanh thu chủ yếu đến từ các nhóm khách hàng truyền thống gồm: Tập đoàn VNPT, các đơn vị trực thuộc VNPT (VNPT tỉnh/TP, VNPT Net..), SCTV, khách hàng nhỏ lẻ truyền thống, khách hàng khác.

- Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, Công ty Telvina đã nỗ lực thực hiện đồng bộ nhiều hoạt động cụ thể nhằm đảm bảo doanh thu mục tiêu và tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ.

* Kết quả thực hiện kế hoạch chỉ tiêu doanh thu trong năm 2022 của từng nhóm khách hàng đạt được như sau:

STT	Phân loại theo khách hàng	Kế hoạch năm 2022 (tỷ đ)	Thực hiện năm 2022 (tỷ đ)	Tỷ lệ so với kế hoạch (%)	Tỷ lệ so với cùng kỳ 2021 (%)
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong thị trường VNPT	83,0	75,4	90,9%	94,0%
1	Cung cấp sản phẩm/dịch vụ theo các gói thầu đầu thầu tập trung của Tập đoàn VNPT	73,0	63,3	86,8%	90,9%
2	Cung cấp sản phẩm/dịch vụ theo nhu cầu của các đơn vị thuộc Tập đoàn VNPT	10,0	12,0	120,4%	114,7%
II	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra ngoài thị trường VNPT	137,0	117,7	85,9%	95,2%
3	Cung cấp sản phẩm/dịch vụ khách hàng nhỏ lẻ truyền thống của Công ty	20,0	21,0	105,0%	176,5%
4	Cung cấp sản phẩm/dịch vụ khách hàng SCTV	10,0	1,8	18,8%	23,5%
5	Cung cấp sản phẩm/dịch vụ cho khách hàng khác	60,0	60,0	100%	96,8%
6	Cung cấp sản phẩm/dịch vụ khách hàng hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, điện lực...	3,0	0,2	6,7%	33,3%
7	Cung cấp sản phẩm/dịch vụ	15,0	9,5	63,3%	114,5%

STT	Phân loại theo khách hàng	Kế hoạch năm 2022 (tỷ đ)	Thực hiện năm 2022 (tỷ đ)	Tỷ lệ so với kế hoạch (%)	Tỷ lệ so với cùng kỳ 2021 (%)
	khách hàng khác gồm: Mobifone, Viettel,				
8	Doanh thu thương mại thị trường trong và ngoài nước	29,0	25,1	86,6%	76,6%
8.1	Doanh thu thương mại trong nước	26,0	25,1	96,6%	85,2%
8.2	Doanh thu sản xuất ngoài nước (xuất khẩu)	3,0	0	0%	0%
	Tổng Doanh thu	220,0	193,1	87,8%	94,8%

3.3. Về công tác phát triển sản phẩm, dịch vụ mới.

- Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện: Cải tiến cấu trúc, nâng cao chất lượng các sản phẩm cáp đồng và cáp quang, dây thuê bao cho các dự án đầu tư tập trung và mua sắm trực tiếp của thị trường trong và ngoài VNPT; Phát triển thêm sản phẩm cáp quang treo ADSS một lớp vỏ cung cấp ra thị trường trong và ngoài nước (đã cung cấp sang Lào và SCTV); Phát triển thêm sản phẩm cáp quang chôn trực tiếp phi kim loại chống động vật gặm nhấm cung cấp ngoài Ngành (đã cung cấp cho FPT và EVN); Phát triển thêm sản phẩm cáp quang treo kim loại chậm cháy sử dụng hai lớp nhựa LSZH (đã cung cấp cho FPT); đã tiến hành cải tiến thiết bị hiện có để sản xuất một số chủng loại như: Cáp nguồn AC, DC.

- Công ty đã nghiên cứu chế thử các sản phẩm 5G nhưng chưa thực hiện được do có một số khó khăn nên chưa triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư thiết bị để sản xuất.

3.4. Về một số các công tác khác.

- Công ty rất tích cực tìm nguồn nguyên vật liệu có giá cạnh tranh; điều độ sản xuất theo tiến độ giao hàng, tiếp tục áp dụng điều khoản yêu cầu khách hàng thanh toán ít rủi ro, thực hiện tốt công tác đối chiếu và đôn đốc công nợ phải thu chặt chẽ không để phát sinh công nợ quá hạn lâu, áp dụng công nợ phải trả chậm để cân đối nguồn vốn cho phù hợp với tình hình tài chính, do đó Công ty không có khoản nợ phải trả quá hạn và khoản nợ phải thu khó đòi phát sinh.

- Công ty luôn chấp hành chính sách, pháp luật về thuế; hoàn thành đúng tiến độ về thời gian quyết toán các khoản thuế, đồng thời thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đúng, đủ, kịp thời theo quy định.

- Chất lượng sản phẩm của Công ty cung cấp luôn ổn định và nhận được sự hài lòng và độ tin cậy cao từ các khách hàng.

Phần II: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023

1. Cơ hội và thách thức.

Công ty dự báo năm 2023 là một năm sẽ có nhiều khó khăn và thách thức đối với Công ty, với dự báo triển vọng của nền kinh tế thế giới và trong nước trong năm 2023 vẫn chưa khả quan, sẽ là một năm nhiều khó khăn và thách thức đối với các doanh nghiệp, đặc biệt với các doanh nghiệp sản xuất có sử dụng phần lớn nguyên liệu nhập khẩu như Telvina.

Việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) được dự báo sẽ tiếp tục tăng lãi suất, đà tăng của đồng USD sẽ còn tiếp tục với biên độ rất lớn thêm với việc Chính phủ các nước liên tục thay đổi chính sách tiền tệ dẫn tới khủng hoảng tiền tệ, suy thoái kinh tế kèm lạm phát tăng cao trên toàn cầu...sẽ tác động trực tiếp tới thị trường nguyên liệu, chi phí nhập khẩu và giá thành nguyên liệu tăng cao trong thời gian tới. Các hợp đồng nhập khẩu nguyên liệu sản xuất chủ yếu sử dụng đồng tiền USD để thanh toán sẽ làm doanh nghiệp sản xuất chịu thêm khoản tăng chi phí đáng kể do sự biến động tỷ giá nêu trên.

Sự khó khăn về khủng hoảng kinh tế, lạm phát được dự đoán gia tăng trong bối cảnh các doanh nghiệp đã có rất nhiều sức ép và chưa kịp hồi phục sau thời kỳ Covid-19 và hậu Covid-19, cộng với việc các Ngân hàng trong nước đua nhau tăng lãi suất dựa trên động thái tăng lãi suất của Fed sẽ khiến doanh nghiệp SXKD ngày càng khó khăn trong tiếp cận nguồn vay để duy trì và mở rộng sản xuất.

Trong khi đó, sự đầu tư vào mạng lưới của các nhà mạng viễn thông trong nước và truyền hình vào thời kỳ tới mặc dù vẫn tiếp tục tuy nhiên tốc độ cũng như quy mô được dự báo sẽ ở mức hạn chế, dẫn tới thị trường sụt giảm nhu cầu trong khi năng lực nguồn cung dồi dào khiến sự cạnh tranh trong ngành sẽ rất khốc liệt. Thị trường biến động, giá cả nguyên liệu và chi phí sản xuất tăng theo đà lạm phát trong khi giá bán không tăng khiến cho biên độ lợi nhuận thấp, doanh nghiệp sản xuất sẽ cần chuyển sang thời kỳ cầm cự, duy trì thay vì mở rộng đầu tư để có thể tự đứng vững và vượt qua thời kỳ khủng hoảng kép này.

Bên cạnh đó, sự hạn chế về nguồn vốn kinh doanh cũng là một trong những yếu tố làm giảm khả năng tham gia thực hiện các gói thầu/hợp đồng có thời hạn thanh toán kéo dài như với các đơn vị trong lĩnh vực truyền hình. Thiết bị máy móc sau hơn mười năm khai thác bắt đầu đến chu kỳ phải sửa chữa và thay thế ngày càng nhiều hơn. Chất lượng và trình độ của đội ngũ kỹ thuật chưa cao dẫn tới Công ty chưa tạo được lợi thế cạnh tranh trong việc nắm bắt các kỹ thuật công nghệ, sản phẩm mới của Ngành.

Trên cơ sở dự báo nhu cầu thị trường cùng với việc Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm của Lãnh đạo Tập đoàn VNPT và các Ban, Ngành có liên quan và ưu thế của Công ty về kinh nghiệm trong sản xuất sản phẩm viễn thông nên có khả năng nghiên cứu phát triển sản phẩm công nghệ cao, các sản phẩm mới gần tương tự sản phẩm đang cung cấp, thương hiệu TELVINA được xây dựng và định vị được thương

hiệu TELVINA trên thị trường, Công ty dự kiến đề ra các mục tiêu và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, cụ thể như sau:

2. Mục tiêu hoạt động.

- Phần đầu hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.
- Tiếp tục khẳng định thương hiệu dây và cáp TELVINA trên thị trường trong và ngoài nước.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch 2023	So sánh KH2023/ TH 2022
1	Tổng doanh thu	193.112	203.714	= 105,5%
2	Nộp ngân sách NN	11.812	10.550	= 89,3%
3	Lợi nhuận sau thuế	1.159	2.500	= 215,7%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	2,32%	5%	= 215,5%
5	Tỷ lệ chi trả cổ tức	Dự kiến 2,13%	4,0%	= 187,8%

3.1. Kế hoạch phát triển thị trường kinh doanh.

Kế hoạch doanh thu năm 2023 được xây dựng dựa trên cơ sở nắm bắt thông tin về định hướng phát triển của các nhóm khách hàng chính như sau:

a. Kế hoạch phát triển thị trường với Tập đoàn VNPT trong đó doanh thu có được từ các phần công việc như sau:

- Phần doanh thu thực hiện từ hợp đồng các gói thầu đấu thầu tập trung gồm: Cáp quang với tổng giá trị thực hiện năm khoảng 62 tỷ.

- Phần doanh thu này chỉ đạt được trên cơ sở hợp đồng các gói thầu Mua sắm tập trung năm 2022 của Tập đoàn tiếp tục được gia hạn để triển khai thực hiện.

b. Xây dựng phần doanh thu theo nhu cầu các đơn vị thuộc Tập đoàn VNPT trong đó doanh thu có được từ các phần công việc:

- Phần công việc thực hiện với VNPT Net trong các dự án phát triển hạ tầng mạng theo định hướng phát triển chung của Tập đoàn cũng như Bộ TT&TT;

- Phần giá trị mua sắm chủ động của các Viễn thông tỉnh/thành phố.

c. Xây dựng phần doanh thu cung cấp sản phẩm/dịch vụ khách hàng nhỏ lẻ truyền thống của công ty trên cơ sở:

- Tiếp tục duy trì thực hiện các hợp đồng cung cấp cáp thông tin đồng và quang cho thị trường Mô hầm lò;

- Tiếp tục thực hiện các dự án cung cấp cáp thông tin tín hiệu đường sắt;
- Thực hiện các hợp đồng cung cấp cáp thông tin đồng, quang với khách hàng truyền thống;
- Thực hiện các hợp đồng cho nhu cầu sửa chữa, cải tạo hạ tầng ngành hàng không;

d. Phần cung cấp sản phẩm/dịch vụ khách hàng SCTV được xây dựng dựa trên 02 nguồn thông tin nắm bắt được về kế hoạch đầu tư như sau:

- Kế hoạch xây dựng trên cơ sở một số hợp đồng mua sắm theo các dự án duy tu bảo dưỡng định kỳ hàng năm của khách hàng.

e. Doanh thu cung cấp sản phẩm/dịch vụ cho khách hàng khác được xây dựng dựa trên phân tích các yếu tố như sau:

- Doanh thu từ phần giá trị thực hiện hợp đồng cung cấp đã ký kết.
- Thực hiện cung cấp theo các gói thầu mua sắm trực tiếp, đấu thầu rộng rãi cho các dự án phát triển hạ tầng viễn thông năm 2023 của khách hàng.

f. Doanh thu từ cung cấp sản phẩm/dịch vụ khách hàng hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, điện lực... trên cơ sở:

- Phát triển mạnh thị trường giao thông đô thị thông qua việc tiếp xúc mở rộng thị trường, cố gắng duy trì để tiếp tục thực hiện các dự án hạ tầng cải tạo nút đô thị với các đối tác thi công;

- Tiếp tục cung cấp cáp thông tin quang cho các dự án tòa nhà Building với các đơn vị thương mại khác. Việc hoàn thiện mạng 4G và thử nghiệm mạng 5G cũng giúp cho các dự án phát triển Tòa nhà thông minh, thành phố thông minh, giao thông thông minh ngày càng phát triển dẫn tới nhu cầu sử dụng cáp thông tin sợi quang không chỉ gói gọn trong các nhà mạng Viễn thông mà còn phát triển mạnh đối với cả các dự án phát triển hạ tầng, giao thông đô thị.

- Thực hiện dự án cung cấp cáp quang cho ngành điện lực trong các dự án phát triển hạ tầng cáp quang, xây dựng văn phòng thông minh 4.0. thông qua kết hợp cùng các đối tác thi công và thương mại truyền thống.

g. Doanh thu thương mại trong nước và doanh thu xuất khẩu thông qua đối tác thương mại cho các đơn hàng về cáp thông tin quang, thông tin đồng và dây thuê bao dệm chặt.

- Dựa trên các hoạt động kinh doanh mua/bán vật tư với các đơn vị cùng nhóm, ngành.

- Sản phẩm của Telvina tiếp tục được giới thiệu trực tiếp và gửi hồ sơ năng lực, hồ sơ sản phẩm tới các đối tác và khách hàng trong khu vực.

h. Doanh thu từ sản phẩm cho thị trường khác gồm có: Mobifone, Viettel:

- Đối với thị trường Viettel: Công ty tiếp tục tham dự các dự án đấu thầu của Tập đoàn Viettel cũng như các đơn vị trực thuộc trong năm 2023 để tìm kiếm cơ hội cung cấp.

- Với thị trường Mobifone: Với việc Công ty đã đạt được kết quả nhất định thông qua thực hiện các dự án phát triển hạ tầng năm 2021 và 2022, sản phẩm cáp sợi quang thương hiệu Telvina đã được sử dụng rộng rãi trên mạng lưới của Mobifone trên khắp cả nước; Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh việc tiếp cận thị trường để có thể đưa sản phẩm của Telvina tiếp tục cung cấp cho các dự án phát triển hạ tầng truyền dẫn của Mobifone trong năm 2023.

*** Kế hoạch doanh thu cụ thể, như sau:**

STT	Phân loại theo khách hàng	Thực hiện năm 2022 (tỷ đ)	Kế hoạch năm 2023 (tỷ đ)	So sánh KH 2023/TH 2022 (%)
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong thị trường VNPT	75,4	74,7	99,1%
1	Cung cấp sản phẩm/dịch vụ theo các gói thầu đấu thầu tập trung của Tập đoàn VNPT	63,3	67,7	107,0%
2	Cung cấp sản phẩm/dịch vụ theo nhu cầu của các đơn vị thuộc Tập đoàn VNPT	12,0	7,0	58,3%
II	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra ngoài thị trường VNPT	117,7	129,0	109,6%
3	Cung cấp sản phẩm/dịch vụ khách hàng nhỏ lẻ truyền thống của Công ty	21,0	20,0	95,2%
4	Cung cấp sản phẩm/dịch vụ khách hàng SCTV	1,8	4,0	222,2%
5	Cung cấp sản phẩm/dịch vụ cho khách hàng khác	60,0	62,0	103,3%
6	Cung cấp sản phẩm/dịch vụ khách hàng hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, điện lực...	0,2	1,0	500,0%
7	Cung cấp sản phẩm/dịch vụ khách hàng lớn khác gồm: Mobifone, Viettel,	9,5	20,0	210,5%
8	Doanh thu thương mại thị trường trong và ngoài nước	25,1	22,0	87,6%
8.1	Doanh thu thương mại trong nước	25,1	19,0	75,7%
8.2	Doanh thu sản xuất ngoài nước (xuất khẩu)	0	3,0	Có doanh thu
	Tổng Doanh thu	193,1	203,7	105,5%

4. Kế hoạch đầu tư và phát triển.

- Hoàn thiện sản phẩm cáp quang ADSS chống động vật gặm nhấm (chống sóc).
- Phát triển thêm sản phẩm cáp tín hiệu đường sắt chôn ngầm cách điện XLPE.

- Tiếp tục nghiên cứu phát triển các sản phẩm cáp đồng và cáp quang tòa nhà thông minh.
- Đầu tư phát triển sản phẩm cáp điện ô tô xe máy..
- Đầu tư phát triển sản phẩm cáp LAN CAT 6 và CAT 7 phục vụ mạng 5G.

5. Biện pháp chính thực hiện nhiệm vụ.

- Tiếp tục nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới tại Công ty theo nhu cầu phát triển của các nhà mạng viễn thông, đặc biệt các sản phẩm dây và cáp phục vụ cho mạng 5G.
- Phát triển thị trường cung cấp sản phẩm mới của Công ty.
- Tích cực khai thác thị trường xuất khẩu và cung cấp sản phẩm dây và cáp của Công ty vào các thị trường tiềm năng trong khu vực Đông Nam Á và các khu vực khác.
- Tăng năng lực cạnh tranh thông qua việc không ngừng đổi mới, sáng tạo trong công tác quản lý, xây dựng môi trường làm việc tích cực và chuyên nghiệp; không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng năng suất lao động; phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu; thực hiện tiết kiệm chi phí..., nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trên đây là nội dung Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Bản Báo cáo này thay thế cho bản Báo cáo số 23/BC-TELVINA ngày 22/02/2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam, về báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Trân trọng báo cáo!

TỔNG GIÁM ĐỐC



Tô Chí Thành

Số: 24/TT-TELVINA

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2023

TỜ TRÌNH

Đề nghị thông qua Báo cáo tài chính năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Toàn văn bản Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam được đăng tải đầy đủ trên trang thông tin điện tử (Website) của Công ty: <http://www.telvina.vn>, chuyên mục Quan hệ cổ đông/Báo cáo tài chính.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu HS Đại hội.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Hải

S43
TY
VN
ONG
NA
AM
PY



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 01/2023/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 14/02/2023 của Công ty Cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trần Thị Thu Hiền - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 02 năm 2023

Đinh Thị Ngọc Thùy - Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1463-2023-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		115.205.280.752	105.373.896.357
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		12.284.311.202	24.762.843.241
1. Tiền	111	5	8.284.311.202	9.762.843.241
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	4.000.000.000	15.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.363.389.578	5.904.010.019
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	2.363.389.578	5.904.010.019
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		43.229.159.484	35.762.885.140
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	52.101.967.183	45.177.214.743
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	100.430.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.573.386.906	931.435.002
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(10.446.194.605)	(10.446.194.605)
IV. Hàng tồn kho	140	11	56.144.275.851	38.240.921.640
1. Hàng tồn kho	141		56.923.716.979	39.664.781.371
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(779.441.128)	(1.423.859.731)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.184.144.637	703.236.317
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	277.474.543	107.017.629
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		858.824.478	596.218.688
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	47.845.616	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.195.684.057	9.664.701.951
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.730.464.551	9.157.120.131
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	3.202.513.872	4.463.221.836
- Nguyên giá	222		112.775.978.679	135.243.028.926
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(109.573.464.807)	(130.779.807.090)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	4.527.950.679	4.693.898.295
- Nguyên giá	228		6.956.452.379	6.956.452.379
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.428.501.700)	(2.262.554.084)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		465.219.506	507.581.820
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	465.219.506	507.581.820
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		123.400.964.809	115.038.598.308

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		43.222.756.669	32.822.590.114
I. Nợ ngắn hạn	310		35.465.004.440	24.817.230.114
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	29.126.460.917	18.460.684.233
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	275.960.513	306.264.950
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	-	254.671.799
4. Phải trả người lao động	314		2.493.921.385	2.919.938.940
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	114.906.616	100.873.472
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	28.000.000	18.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	1.309.215.389	1.416.478.678
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	150.000.000	150.000.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22.a	1.826.426.658	1.020.000.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		140.112.962	170.318.042
II. Nợ dài hạn	330		7.757.752.229	8.005.360.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	22.b	7.757.752.229	8.005.360.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		80.178.208.140	82.216.008.194
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	80.178.208.140	82.216.008.194
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	23	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	23	24.000.000.000	24.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	23	5.902.426.198	5.902.426.198
4. Cổ phiếu quỹ	415	23	(888.000.000)	(888.000.000)
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	1.163.781.942	3.201.581.996
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a	23	4.507.076	2.847.398
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	23	1.159.274.866	3.198.734.598
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		123.400.964.809	115.038.598.308

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Tô Chí Thành

Nguyễn Thị Bích Hiền

Trần Thị Tinh

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	25	191.986.688.975	208.877.595.521
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		191.986.688.975	208.877.595.521
4. Giá vốn hàng bán	11	26	169.229.391.265	178.897.371.986
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		22.757.297.710	29.980.223.535
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	911.566.975	963.790.969
7. Chi phí tài chính	22	28	1.099.582.712	94.469.712
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		115.373.733	21.071.609
8. Chi phí bán hàng	25	29.a	10.163.524.372	14.348.127.441
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29.b	11.016.903.758	12.550.043.056
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.388.853.843	3.951.374.295
11. Thu nhập khác	31	30	214.365.656	248.794.720
12. Chi phí khác	32	31	85.769.813	55.050.124
13. Lợi nhuận khác	40		128.595.843	193.744.596
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.517.449.686	4.145.118.891
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	358.174.820	946.384.293
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.159.274.866	3.198.734.598
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	235	567
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	235	567



Tổng Giám đốc

Tô Chí Thành

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2023

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Hiền

Người lập biểu

Trần Thị Tình

Số: 42/TTTr-TELVINA

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022, kế hoạch thù lao HĐQT và BKS cho năm tài chính 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Viễn thông Telvina Việt Nam; Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam thống nhất kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 và kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) năm 2023, như sau:

1. Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022.

STT	CHỈ TIÊU	MÃ	Số tiền (đồng)
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tại ngày 31/12/2022	50	1.517.449.686
2	Chi phí thuế TNDN phải nộp	51	358.174.820
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN tại ngày 31/12/2022	60	1.159.274.866
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước tại 31/12/2022	421a	4.507.076
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2022	421	1.163.781.942
6	Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2022		1.163.781.942
6.1	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 3,5% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối ((6)*3,5%)		40.732.368
6.2	Chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty năm 2022 (=32,1% mức thù lao kế hoạch đề ra năm 2022)		70.000.000
6.3	Chi trả cổ tức với tỷ lệ 2,13%/cổ phiếu, tương đương 213 đồng/cổ phiếu (213 đồng * cổ phiếu đang lưu hành là 4.940.000)		1.052.220.000
6.4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chuyển kỳ sau	421	829.574

264
CÔNG TY
VIỄN THÔNG
TELVINA
VIỆT NAM
T.P.V

2. Về kế hoạch thù lao HĐQT và BKS cho năm tài chính 2023.

- Trường hợp hoàn thành (bằng kế hoạch giao) chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2023 thì thù lao HĐQT & BKS bằng 120.000.000 đồng.

- Thù lao HĐQT & BKS trong trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện lớn hơn kế hoạch giao thì cứ 01% lợi nhuận sau thuế vượt so với kế hoạch thì được tăng tối đa 02%; Tổng quỹ thù lao thực hiện của HĐQT & BKS tối đa không quá 20% mức tiền lương thực hiện của Người quản lý chuyên trách năm 2023 (bao gồm thành viên chuyên trách HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách);

- Thù lao HĐQT & BKS trong trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện nhỏ hơn kế hoạch giao thì cứ 01% lợi nhuận sau thuế giảm so với kế hoạch thì giảm 01% so với mức hoàn thành kế hoạch.

- Trong trường hợp Công ty lỗ: không chi thù lao.

3. Về nguyên tắc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 như sau.

Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023 sẽ bằng quỹ khen thưởng phúc lợi thực hiện năm 2022 x (nhân với) tỷ lệ LNST thực hiện năm 2023/LNST thực hiện năm 2022.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Bản Tờ trình này thay thế cho bản Tờ trình số 25/TTr-TELVINA ngày 22/02/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 và kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) năm 2023.

Trân trọng!



Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu HS Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Hải



BAN KIỂM SOÁT
Số: 32/BC-BKS

Hà Nội, ngày 21 tháng 2 năm 2023

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2023 TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Kính thưa toàn thể các quý vị cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát, BKS xin báo cáo kết quả hoạt động của BKS trong năm 2022 cùng một số đề xuất, kiến nghị cũng như kế hoạch hoạt động năm 2023 của BKS như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và thành viên BKS.

Sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, hai thành viên BKS là bà Nguyễn Thị Hoàng Lan và ông Trịnh Văn Hiền đã có đơn xin từ nhiệm. Từ tháng 5 năm 2022, BKS hoạt động với 03 thành viên, gồm: Ông Nguyễn Hữu Thành là Trưởng BKS, Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà và bà Nguyễn Anh Thư là thành viên BKS.

Thực hiện kế hoạch công tác, năm 2022 BKS đã tổ chức 04 cuộc họp bằng hình thức trực tiếp và lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản để thực hiện các nội dung sau:

- Xem xét đơn từ nhiệm của 02 thành viên BKS và không đề xuất bầu bổ sung, đồng thời phân công lại chức năng nhiệm vụ cho các thành viên còn lại. Điều này hoàn toàn phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được sửa đổi, bổ sung ngày 19 tháng 3 năm 2022.
- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2022 của Công ty đã được Đại hội thông qua bao gồm: việc phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022; việc chi trả cổ tức năm 2021 cho cổ đông; việc chi trả thù lao năm 2021 cho HĐQT và BKS; việc chấp hành Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty.
- Lấy ý kiến đề xuất HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty là Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.
- Thẩm định các báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành tại Việt Nam.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.
- Tham gia và có ý kiến về những nội dung các cuộc họp trực tiếp của HĐQT và các cuộc họp giao ban hằng tuần của Công ty.

Kết quả tự đánh giá:

Với quyền hạn, nhiệm vụ và kế hoạch công tác đã đề ra, năm 2022 BKS đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. BKS đã đưa ra các đánh giá cũng như kiến nghị cụ thể ghi trong Báo cáo theo quy định.

Trong năm, từng thành viên trong BKS theo kế hoạch công tác được phân công đã hoàn thành nhiệm vụ được giao. Các thành viên BKS thực hiện đúng, đầy đủ quy định nội bộ của Công ty, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định.

2. Thù lao và chi phí hoạt động của BKS năm 2022

- Về thù lao: trong năm 2022, Công ty chưa thực hiện chi trả thù lao cho BKS.
- Về các chi phí hoạt động: trong năm 2022, Công ty đã chi phí hoạt động cho từng thành viên với tổng số tiền là 5.000.000d/người/năm (03 thành viên).
- Về lợi ích khác của thành viên BKS: không có.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT

1. Báo cáo phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty:

Hoạt động của BKS trong năm vừa qua diễn ra thuận lợi, BKS đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ của mình với sự phối hợp, hỗ trợ và tạo điều kiện của HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty. BKS đã nhận được đầy đủ, kịp thời các tài liệu, thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc khi có yêu cầu.

BKS cũng được mời tham gia các cuộc họp của HĐQT. Trưởng BKS thường xuyên tham dự các cuộc họp giao ban của Công ty. Trong quá trình thực hiện kiểm tra, giám sát trực tiếp tại Công ty, Công ty đã tạo điều kiện về chỗ làm việc, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến nội dung kiểm tra giám sát và cử cán bộ làm việc cùng BKS theo yêu cầu.

2. Báo cáo giám sát hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc và các cổ đông:

• Đối với HĐQT Công ty:

HĐQT đã thực hiện các cuộc họp định kỳ theo quy định và Điều lệ Công ty. Các cuộc họp được thực hiện dưới hai hình thức là họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản. Trong các cuộc họp trực tiếp, các thành viên tham gia đầy đủ. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đều bám sát vào thực tế hoạt động để chỉ đạo Tổng Giám đốc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc ban hành các nghị quyết, quyết định đúng thẩm quyền, trình tự pháp lý đúng theo qui định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

• Đối với Tổng Giám đốc Công ty:

Triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty đã tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật trong công tác quản lý và điều hành cũng như trong các giao dịch.

Tổng Giám đốc Công ty sát sao, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh trong bối cảnh thị trường cạnh tranh khốc liệt. Tổ chức các cuộc họp giao ban thường kỳ hoặc đột xuất để chỉ đạo điều hành các phòng ban, bộ phận trong hoạt động sản xuất kinh doanh và giải quyết những vấn đề phát sinh.

Nắm bắt và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh theo kế hoạch đã duyệt, các chỉ thị, nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT. Các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được qui định trong Điều lệ của Công ty.

Năm 2022, Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành được Công ty hoạt động có hiệu quả, người lao động vẫn đủ việc làm. Kết quả sản xuất kinh doanh tuy không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra nhưng vẫn có lợi nhuận.

- **Đối với các cổ đông:**

Trong năm 2022, BKS không nhận được kiến nghị hoặc khiếu nại nào của cổ đông về tình hình hoạt động của Công ty.

3. Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022:

Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty được lập theo đúng các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC thực hiện kiểm toán. Các số liệu Báo cáo tài chính do Công ty lập trình bày trước Đại hội đồng cổ đông năm 2022 phù hợp với tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2022. BKS nhất trí với báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC về tình hình tài chính của Công ty kết thúc ngày 31/12/2022.

4. Báo cáo giám sát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

BKS đã kiểm tra, giám sát tình hình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và đã thẩm định báo cáo kết quả SXKD năm 2022 của Công ty và thống nhất đánh giá, kết quả cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	TH 2022 /KH 2022
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	220,000	193,112	87,78%
2	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	3,420	1,159	33,90%
3	Tỷ suất LNST/VCSH	%	6,84	2,32	33,90%
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	6,0	Dự kiến: 2,12	35,33%

Năm 2022, Công ty không hoàn thành kế hoạch đặt ra: Tổng doanh thu thực hiện được là 193,112 tỷ đồng đạt 87,78%; Lợi nhuận sau thuế là 1,159 tỷ đồng đạt 33,9%; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (50 tỷ) đạt 33,9%. Công ty dự kiến chi trả cổ tức là 2,12%, đạt 35,33%.

- **Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 so với thực hiện năm 2021:**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2021	Tỷ lệ 2022 /2021
1	Kết quả hoạt động kinh doanh				
	Tổng doanh thu	tỷ đồng	193,112	210,090	-8,08%
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	tỷ đồng	191,986	208,877	-8,09%
	Doanh thu hoạt động tài chính	tỷ đồng	0,911	0,963	-5,42%
	Doanh thu khác	tỷ đồng	0,214	0,248	-13,84%
	Giá vốn hàng bán	tỷ đồng	169,229	178,897	-5,40%
	Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	80,178	82,216	-2,48%
	Tổng nguồn vốn	tỷ đồng	123,400	115,038	7,27%

2	Khả năng sinh lời		2022	2021	
	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	tỷ đồng	1,517	4,145	-63,39%
	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	tỷ đồng	1,159	3,198	-63,76%
	Giá vốn hàng bán/Tổng doanh thu		87,63%	85,15%	2,91%
2.1	Tỷ suất lợi nhuận/Tổng doanh thu (%) ROS		0,60%	1,52%	-60,57%
2.2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (%)		1,43%	3,90%	-63,37%
3.	Khả năng thanh toán		2022	2021	
	Tiền và các khoản tương đương tiền	tỷ đồng	12,284	24,762	-50,39%
	Đầu tư tài chính ngắn hạn	tỷ đồng	2,363	5,904	-59,97%
	Các khoản phải thu ngắn hạn	tỷ đồng	43,229	35,762	20,88%
	Hàng tồn kho	tỷ đồng	56,144	38,240	46,82%
	Tài sản ngắn hạn khác	tỷ đồng	1,184	0,703	68,39%
	Hàng tồn khi bình quân trong kỳ	tỷ đồng	47.192	32.474	45.32%
	Nợ ngắn hạn	tỷ đồng	35,465	24,817	42,90%
3.1	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (Khả năng thanh toán hiện hành) = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	lần	3,25	4,25	-23,49%
3.2	Khả năng thanh toán nhanh = (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	1,67	2,71	-38,44%
3.3	Khả năng thanh toán tức thời = Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn	lần	0,35	1,00	-65,29%
4	Tài trợ vốn cố định		2022	2021	
	Nguồn vốn dài hạn = Vốn chủ sở hữu + Nợ dài hạn	tỷ đồng	87,935	90,221	-2,53%
	Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	80,178	82,216	-2,48%
	Nợ dài hạn	tỷ đồng	7,757	8,005	-3,09%
	Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	tỷ đồng	7,730	9,157	-15,58%
4.1	Mức độ đảm bảo vốn cố định	tỷ đồng	80,205	81,064	-1,06%
5	Tài trợ vốn lưu động		2022	2021	
	Nguồn vốn ngắn hạn (= Nợ ngắn hạn)	tỷ đồng	35,465	24,817	42,90%
	Phải trả người bán ngắn hạn	tỷ đồng	29,126	18,460	57,78%
	Các khoản phải trả khác	tỷ đồng	6,338	6,356	-0,28%
	Tài sản lưu động (= Tài sản ngắn hạn)	tỷ đồng	115,205	105,373	9,33%
5.1	Mức độ đảm bảo vốn lưu động	tỷ đồng	-79,740	-80,557	-1,01%
6	Khả năng hoạt động		2022	2021	
6.1	Vòng quay các khoản phải thu = Tổng doanh thu/Các khoản phải thu bình quân		4,89	4,36	12,12%
	Số ngày các khoản phải thu (Kỳ thu tiền bình quân)		75	84	-10,81%
6.2	Vòng quay các khoản phải thu (khách hàng) = Doanh thu bán hàng/Các khoản phải thu khách hàng bình quân		5,03	4,42	13,81%

	Kỳ thu tiền bình quân		73	83	12,14%
6.3	Vòng quay hàng tồn kho = Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân		3,59	5,51	-34,91%
	Số ngày dự trữ hàng tồn kho (Số ngày 1 vòng quay hàng tồn kho)		102	66	53,62%
	Chu kỳ sản xuất kinh doanh (ngày)		176	150	-17,66%
	Chu kỳ sản xuất kinh doanh (tháng)		5,88	5,00	-17,66%
6.4	Vòng quay các khoản phải trả = Giá vốn hàng bán/Phải trả người bán bình quân		7,11	10,27	-30,75%
	Số ngày phải trả (Kỳ trả tiền bình quân)		51	36	44,41%

- **Phân tích, đánh giá:**

Năm 2022, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp khó khăn hơn khi thị trường bị thu hẹp do các khách hàng tiết kiệm, thắt chặt đầu tư, cùng với đó là sự cạnh tranh gay gắt giữa các đơn vị cùng ngành, các cú sốc về tỷ giá, giá hàng hoá đầu vào tăng, chi phí vận tải tăng do giá xăng dầu tăng... đã khiến chi phí giá vốn tăng trong khi nguồn vốn có xu hướng bị chiếm dụng lớn hơn năm 2021. Kết quả là doanh thu, lợi nhuận của công ty bị thu hẹp, số ngày quản lý hàng tồn kho, chu kỳ kinh doanh gia tăng.

Mặc dù vậy, Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán tốt, cơ cấu vốn an toàn, hợp lý. Thực trạng không có rủi ro nợ ngắn và dài hạn trong bối cảnh lãi suất tăng mạnh cuối năm 2022 và dự báo triển vọng xấu 2023 là một ưu thế của Công ty.

[1] Kết quả hoạt động kinh doanh giảm 8,09% so với năm 2021. Trong khi giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn hơn tới 3 điểm phần trăm so với doanh thu. Nguyên nhân do thị trường bị thu hẹp, cạnh tranh về giá (đấu thầu) trong khi giá nguyên, nhiên vật liệu đầu vào tăng mạnh. Điều này dẫn tới kết quả lợi nhuận kém hơn so với 2021.

[2] Khả năng sinh lời giảm mạnh. Lợi nhuận để lại năm 2022 chỉ đạt 1,159 tỷ đồng, giảm 63,76% so với kết quả lợi nhuận của năm 2021. Năm 2022, 100 đồng vốn chủ sở hữu chỉ tạo ra 1,43 đồng lợi nhuận, trong khi năm 2021 con số này là 3,9 đồng.

[3] Số ngày dự trữ hàng tồn kho và chu kỳ kinh doanh gia tăng: Hàng tồn kho tăng 46,8% trong khi khoản phải thu tăng thêm 20,8% so với cùng kỳ năm 2021. So với năm 2021, số ngày các khoản phải thu giảm 9 ngày, số ngày dự trữ hàng tồn kho tăng 36 ngày, chu kỳ sản xuất kinh doanh cũng kéo dài thêm 26 ngày.

[4] Kết quả/Hiệu quả hoạt động năm 2022 giảm sút so với năm 2021, tác động làm cho khả năng thanh toán suy giảm nhẹ trong năm 2022 nhưng Công ty vẫn đảm bảo được khả năng thanh toán: Khả năng thanh toán hiện hành (3,25 lần), Khả năng thanh toán nhanh (1,67 lần) và Khả năng thanh toán tức thời (0,35 lần). Khả năng thanh toán được duy trì, đảm bảo nhờ cơ cấu vốn hợp lý, giảm vay nợ ngắn và dài hạn mặc dù tình trạng hàng tồn kho và nợ đọng vốn gia tăng.

[5] Công ty sử dụng cơ cấu vốn tương đối an toàn: Tại thời điểm 31/12/2022, Vốn chủ sở hữu (80,2 tỷ đồng) gấp 1,85 lần Nợ phải trả (43,2 tỷ đồng); Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn không đáng kể (150 triệu đồng); Nợ dài hạn (Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa) cũng không quá lớn (7,7 tỷ đồng) so với Vốn chủ sở hữu. Nguồn vốn dài hạn đảm bảo tài trợ tốt cho tài sản cố định và phần lớn tài sản ngắn hạn. Công ty không gặp vấn đề về mất an toàn cơ cấu vốn trong nhiều năm.

- **Công tác đầu tư XD/CB, duy tu bảo dưỡng:**

Năm 2022, Công ty không thực hiện đầu tư lớn. Các công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng được thực hiện theo kế hoạch và thực tế sản xuất kinh doanh.

- **Công tác Tổ chức, Lao động, Tiền lương**

Năm 2022, Công ty đã thực hiện đúng nguyên tắc quyết toán quỹ tiền lương thực hiện và đơn giá tiền lương đã được phê duyệt. Công ty tiếp tục thực hiện việc phân phối tiền lương và khen thưởng sáng kiến đề động viên, khuyến khích người lao động nhằm mục đích tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm.

Số người lao động làm việc trong Công ty năm 2022 không có biến động nhiều.

5. Báo cáo kết quả thực hiện công tác rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty

Thực hiện quyền và nghĩa vụ của BKS trong năm 2022, qua quá trình làm việc trực tiếp tại Công ty cũng như trên cơ sở các báo cáo nội bộ, báo cáo tài chính... BKS nhận thấy quá trình điều hành sản xuất kinh doanh tại Công ty đã bám sát vào thực trạng khu vực, thị trường và điều kiện năng lực của Công ty để đạt được các mục tiêu đề ra. Các phòng ban chức năng trong Công ty theo nhiệm vụ chuyên môn của mình đã tham mưu đề xuất các ý kiến xây dựng cho Tổng Giám đốc tại các cuộc họp giao ban định kỳ hoặc đột xuất... cùng chung mục tiêu hoàn thành tốt nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được thông qua nhưng thực tế Công ty đã không hoàn thành các chỉ tiêu đề ra tại ĐHCĐ thường niên năm 2022 do nhiều nguyên nhân đã được phân tích ở trên.

III. ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ

Năm 2022, HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty đã phối hợp chặt chẽ trong công việc, thực hiện tốt vai trò quản lý và điều hành của mình, triển khai quyết liệt những nhiệm vụ được ĐHCĐ thông qua. Các hoạt động của HĐQT và Bộ máy điều hành đã thể hiện sự nỗ lực và linh hoạt trong chỉ đạo sản xuất kinh doanh, phát huy được tinh thần và trí tuệ của người lao động.

Từ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch hoạt động của Công ty năm 2023, BKS kiến nghị một số nội dung sau:

- **Thứ nhất**, Công ty cần rà soát và quản lý tốt hơn các khoản phải thu. Trong giai đoạn thị trường bị thu hẹp, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khó khăn, Công ty cần rà soát lại năng lực tài chính, công nợ của các đối tác, khách hàng để tránh bị chiếm dụng vốn và nợ khó đòi, phòng tránh rủi ro nợ xấu lây lan từ bạn hàng; đồng thời, hoàn thiện các thủ tục để xử lý các khoản nợ xấu. Với hàng tồn kho, để ứng phó với giá hàng hoá đầu vào có thể bất ổn và gia tăng năm 2023, việc tăng hàng tồn kho đầu vào để tăng cường dự trữ cần cân đối hợp lý trong điều kiện nguồn lực của Công ty còn hạn chế.
- **Thứ hai**, tỷ giá VND và lãi suất cho vay tiền đồng có thể tiếp tục diễn biến khó lường trong năm 2023 do bất ổn kinh tế - tài chính toàn cầu cũng như vấn đề nội tại của kinh tế - tài chính trong nước, đề nghị Công ty cân nhắc tăng cường trích lập dự phòng tỷ giá ngay từ đầu năm cho các đơn hàng trong năm 2023. Ngoài ra, Công ty cần có dự toán dòng tiền, lên kế hoạch, điều chỉnh kế hoạch dòng tiền theo tháng để hạn chế tối đa các khoản vay kéo dài đồng thời để có kế hoạch đầu tư tài chính tốt nhất trong năm 2023.

- **Thứ ba**, Công ty cần tập trung mọi nguồn lực, trí tuệ thực hiện tốt nhất công tác phát triển sản phẩm mới, nỗ lực tìm kiếm các nguồn doanh thu, lợi nhuận mới trong bối cảnh các thị trường kinh doanh truyền thống của Công ty đang có chiều hướng bị thu hẹp, cạnh tranh gay gắt, doanh thu, lợi nhuận suy giảm.
- **Thứ tư**, định kỳ kiểm tra, rà soát ban hành, điều chỉnh, cập nhật các quy định quản lý tài chính - kế toán, hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật để phù hợp với quy định của nhà nước, quy định quản lý doanh nghiệp niêm yết và thực tế sản xuất kinh doanh để giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh. Chú trọng công tác phát triển thị trường, tiếp cận và mở rộng thị trường ngoài nước.

IV. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2023

Năm 2023, Ban kiểm soát tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung công việc thuộc chức năng nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động sửa đổi của BKS và Điều lệ Công ty. BKS xác định lấy ngăn ngừa là mục tiêu chính trong hoạt động của mình, góp phần đảm bảo rằng các hoạt động của Công ty tuân thủ đúng quy định và pháp luật của Nhà nước, có hiệu quả và đảm bảo lợi ích của cổ đông cũng như quyền lợi của người lao động.

Kế hoạch hoạt động năm 2023 của BKS cụ thể như sau:

1. Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023 và các nghị quyết, quyết định khác trong công tác điều hành và quản lý Công ty đối với HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty.
2. Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, các quy định nội bộ cũng như pháp luật của Nhà nước.
3. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
4. Thẩm định các báo cáo tài chính hằng quý và cả năm của Công ty theo quy định.
5. Tham dự các cuộc họp của HĐQT, cuộc họp tổng kết và các cuộc họp giao ban hằng tuần của Công ty.
6. Tiến hành các công tác kiểm tra giám sát hoạt động TCKT tại Công ty.

Trên đây là Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt nam, kính trình trước Đại hội và xin được Đại hội thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát
- Tổng Giám đốc;
- Lưu HS Đại hội.

**T.M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



NGUYỄN HỮU THÀNH



BAN KIỂM SOÁT

Số 21/Tr-TELVINA

Hà Nội, ngày 21 tháng 2 năm 2023

TỜ TRÌNH

V.v đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 xem xét và thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty là Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC tiếp tục tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính 2023 của Công ty và phải đảm bảo về chất lượng kiểm toán, chi phí hợp lý và dịch vụ hỗ trợ tư vấn...

Trong trường hợp đơn vị kiểm toán trên không đáp ứng, Ban Kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán còn lại có tên trong danh sách công ty kiểm toán độc lập được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận đủ điều kiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty đại chúng, trên cơ sở đề xuất của Ban Kiểm soát Công ty.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HS Đại hội.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Hữu Thành

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Viễn thông Telvina Việt Nam
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam
Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam

Tôi tên: Nguyễn Thị Hoàng Lan

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Nay, tôi viết đơn này xin báo cáo Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam và kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam đồng ý cho tôi được từ nhiệm chức vụ thành viên Ban Kiểm soát Công ty kể từ ngày 01/5/2022.

Lý do: vì một số lý do cá nhân nên tôi không thể tiếp tục đảm nhiệm công việc của Thành viên Ban Kiểm soát.

Rất mong nhận được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người viết đơn



Nguyễn Thị Hoàng Lan

HÀ NỘI - 2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Viễn thông Telvina Việt Nam
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam
Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam

Tôi tên: Trịnh Văn Hiền

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Nay, tôi viết đơn này xin báo cáo Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam và kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam đồng ý cho tôi được từ nhiệm chức vụ thành viên Ban Kiểm soát Công ty kể từ ngày 01/5/2022.

Lý do: vì một số lý do cá nhân nên tôi không thể tiếp tục đảm nhiệm công việc của Thành viên Ban Kiểm soát.

Rất mong nhận được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người viết đơn



Trịnh Văn Hiền

Số: 43 /TTr-TELVINA

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

- Căn cứ theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh, khi đăng ký cập nhật thông tin trên Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty, Công ty phải đăng ký thay đổi bổ sung thêm thông tin địa chỉ cụ thể dưới cấp xã vào địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua tờ trình thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi: Ngõ 41 Đường Yên Thường, Xã Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Bản Tờ trình này thay thế cho bản Tờ trình số 26/TTr-TELVINA ngày 22/02/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam về việc đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Trân trọng!

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu HS Đại hội.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Hải

Số: 44 /TT-TELVINA

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 về việc thông qua tờ trình sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam, nội dung sửa đổi cụ thể:

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
1	Điều 2 quy định: - Địa chỉ trụ sở chính: xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sửa đổi Điều 2 đối với nội dung: - Địa chỉ trụ sở chính: Ngõ 41 Đường Yên Thường, Xã Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.	

(có bản dự thảo Điều lệ đã sửa đổi nội dung nêu trên kèm theo)

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam được sửa đổi, bổ sung lần thứ tám thay thế cho bản Điều lệ ban hành ngày 19/3/2022.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu HS Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM

*(được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông
Telvina Việt Nam họp ngày 21/3/2023 sửa đổi, bổ sung lần thứ tám)*

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	6
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	7
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần	8
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	9
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 12. Quyền của cổ đông	9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	11
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 17. Thay đổi các quyền	15
Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	18

NỘI DUNG	TRANG
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua, hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	24
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	27
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	28
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	29
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	29
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	30
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	30
Điều 34. Người điều hành Công ty	30
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	31
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT	31
Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên)	31
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát	32
Điều 38. Trưởng Ban Kiểm soát	33
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát	33
Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát	34
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát	34
CHƯƠNG X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	34
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	35
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	35

NỘI DUNG	TRANG
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	36
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	36
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	37
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn	37
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	37
Điều 46. Phân phối lợi nhuận	37
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	38
Điều 47. Tài khoản ngân hàng	38
Điều 48. Năm tài chính	38
Điều 49. Chế độ kế toán	38
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	38
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	38
Điều 51. Báo cáo thường niên	39
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	39
Điều 52. Kiểm toán	39
CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	39
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp	39
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	39
Điều 54. Giải thể công ty	39
Điều 55. Thanh lý	40
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	40
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ	40
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	41
Điều 57. Điều lệ công ty	41
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	41
Điều 58. Ngày hiệu lực	41
Phụ lục: Danh sách cổ đông sáng lập	42

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009, năm 2011, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2014, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, năm 2016, 2018, 2022 và năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung lần thứ tám này được thông qua bởi các cổ đông của Công ty theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, tổ chức chính thức vào ngày 21 tháng 3 năm 2023.

Chương I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này;

o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Chương II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

o Tên Công ty bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM**

o Tên Công ty bằng tiếng nước ngoài: Telvina Vietnam Communication Joint Stock Company

o Tên Công ty viết tắt: TELVINA.,JSC

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

o Địa chỉ trụ sở chính: Ngõ 41 Đường Yên Thường, Xã Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

o Điện thoại: 024 3878 04 51

o Fax: 024 3878 00 23

o E-mail: info@telvina.vn

o Website: http://www.telvina.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 54, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

- Công ty có 1 người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc Công ty.
- Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Chương III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:
 - Sản xuất các loại vật liệu điện, điện tử và viễn thông.
 - Sản xuất các sản phẩm dân dụng.
 - Kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu vật tư, thiết bị và hàng hóa.
 - Hoạt động viễn thông có dây.
 - Hoạt động viễn thông không dây.
 - Xây lắp, cho thuê các công trình xây dựng.
 - Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị, hệ thống điện, điện tử và viễn thông.
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:
 - Hướng tới thu lợi nhuận tối đa và nộp ngân sách Nhà nước.
 - Xây dựng thương hiệu TELVINA ngày càng lớn mạnh và phát triển.
 - Phát huy truyền thống của Công ty.
 - Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh.
 - Đa dạng hóa tối đa loại hình sản xuất kinh doanh hướng tới lợi ích cho Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
2. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty vào ngày thông qua điều lệ này là: 50.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng Việt Nam).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành: 5.000.000 cổ phần với mệnh giá là: 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần này được quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi cổ sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

8. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần

được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi.

theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Chương V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

Chương VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

326
S TY
HẮP
HỘP
VIN
NA
-T.P

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

4. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc:

4.1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:

a) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4.2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty được tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

4.3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại khoản này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

d. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo thông báo của Công ty.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;

d. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

l. Phê duyệt/sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

d. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;

e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;

q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t. Phê duyệt/sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;

u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện được ủy quyền là người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền và người được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi họp một (01) ngày, trong trường hợp đặc biệt Hội đồng quản trị có thể xem xét, chấp thuận cho người được ủy quyền nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng nếu công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần

ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chuẩn bị tài liệu cho hội nghị;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức hội nghị;

e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đề bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ

ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- c. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, thông tin cổ đông (bao gồm: Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông cá nhân; số đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức), số lượng từng loại cổ phần của cổ đông nắm giữ và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại

hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 của Điều lệ này.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Ban Kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b. Cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được uỷ quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban Kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa hoặc cử thêm thành viên Hội đồng quản trị khác tham gia Đoàn Chủ tọa, hoặc uỷ quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại

Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua, hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, gồm:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó;

5. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên

đổi chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Chương VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có).

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ này.

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

d. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;

r. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết;

s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiêu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương,

hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.



Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Trường hợp khác theo quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên (nếu có).

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do người triệu tập họp quyết định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo thông báo mời họp.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ này.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết thông qua tại cuộc họp.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện như sau.

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;



- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- d) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có).

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ quản lý và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát:

- Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;
- Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;
- Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.



7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những

nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn

thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

Cổ đông thực hiện quyền quy định tại điểm a, b Điều này phải gửi ý kiến bằng văn bản đến Công ty, Công ty sẽ xem xét và trả lời cổ đông trong vòng 07 ngày làm việc.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của

pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

3. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

4. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

5. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.



Chương XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 năm Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Chương XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty chò năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Chương XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Chương XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, 58 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam nhất trí thông qua ngày 21 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Công ty (Ngõ 41 Đường Yên Thường, Xã Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam) và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty, thay thế cho Điều lệ ban hành ngày 19/3/2022.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Lập tại thành phố Hà Nội, ngày 21/3/2023

**CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT**



Tô Chí Thành

PHỤ LỤC: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

(lập ngày 10/5/2011 và ban hành kèm theo bản Điều lệ này)

STT	Họ và tên	Số ĐKSH	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Số lượng CK sở hữu	Số lượng biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu/ tổng số CP
1	Vốn Nhà nước thuộc VNPT	0106000689	21/4/2006	Sở KH và Đầu tư TP Hà Nội	Số 57 phố Huỳnh Thúc Kháng, Đống Đa, HN	2 490 000	2 490 000	49.80%
2	Bùi Hồng Ánh	011986389	16/09/1996	CA Hà Nội	Tổ 4 Kim Quan - Việt Hưng - Long Biên - HN	10 264	10 264	0.21%
3	Bùi Quý Thăng	012229130	28/04/1999	CA Hà Nội	Yên Viên - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	882	882	0.02%
4	Bùi Thị Tiên	012671364	05/04/2004	CA Hà Nội	C.ty Vật liệu BÐ- Yên Viên - Gia Lâm - HN	1 845	1 845	0.04%
5	Bùi Thị Vương Liên	010657295	27/04/1979	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	6 000	6 000	0.12%
6	Bùi Văn Ánh	012057627	12/08/1997	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	1 000	1 000	0.02%
7	Cao Thị Ngắm	010657333	10/09/2002	CA Hà Nội	ái Mộ - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	2 396	2 396	0.05%
8	Chu Thị Vĩnh	010657258	29/12/2004	CA Hà Nội	Du Nội - Mai Lâm - Đông Anh - Hà Nội	3 000	3 000	0.06%
9	Chử Văn Ngữ	010657439	16/10/2009	CA Hà Nội	Thôn Hội Phụ - Đông Hội - Đông Anh - HN	3 000	3 000	0.06%
10	Công Thị Mai	010657431	29/12/2004	CA Hà Nội	Lã Côi - Yên Viên - Gia Lâm - HN	4 899	4 899	0.10%
11	Dương Thị Loan	012739755	15/09/2004	CA Hà Nội	Tổ 12 Cự khôi - Gia lâm - Hà Nội	764	764	0.02%
12	Dương Thị Thi	011813689	15/03/1994	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	10 000	10 000	0.20%
13	Dương Văn Hoà	011460347	29/12/2004	CA Hà Nội	Khu B TT NM Vật liệu Bưu điện	2 899	2 899	0.06%
14	Dương Văn Lê	010646933	11/07/2004	CA Hà Nội	ái Mộ - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	4 948	4 948	0.10%
15	Dương Văn Nghĩa	010646821	06/06/2001	CA Hà Nội	Yên Viên - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	5 655	5 655	0.11%
16	Hoàng Công Kiên	011460338	14/09/2001	CA Hà Nội	25/5 Láng Hạ, Hà Nội	8 867	8 867	0.18%
17	Hoàng Giang	012709954	09/06/2004	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	3 264	3 264	0.07%
18	Hoàng Hữu Hưng	011350591	27/12/2004	CA Hà Nội	27/53 Đường Thiên Đức - YViên - GLâm - HN	370	370	0.01%

19	Hoàng Hữu Lương	011734305	22/8/2007	CA Hà Nội	Số 27 Ngõ 53 Đường Thiên Đức - GLâm - HN	2 000	2 000	0.04%
20	Hoàng Minh Năng	051287030	16/06/1997	CA Thái Bình	199 Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	382	382	0.01%
21	Hoàng Thanh Hạ	011594025	29/12/2004	CA Hà Nội	SN35 Ngách 528 - Ngõ Gia Tự - LB - HN	4 066	4 066	0.08%
22	Hoàng Thế Sơn	010646963	29/12/2004	CA Hà Nội	Lã Côi - Yên Viên - Gia Lâm - HN	5 101	5 101	0.10%
23	Hoàng Thị Liên	012463842	06/08/2001	CA Hà Nội	Khu C - TT NM Vật liệu Bưu điện	5 000	5 000	0.10%
24	Hà Thuý Châm	010646999	29/12/2004	CA Hà Nội	SN 9, Tõ 5, PThượng Thanh - Long Biên - HN	7 562	7 562	0.15%
25	Khổng Đức Hào	012034876	18/06/1997	CA Hà Nội	Yên Viên - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	3 882	3 882	0.08%
26	Luyện Thị Bích Châu	011117039	29/12/2004	CA Hà Nội	TT NM Vật liệu Bưu điện	9 365	9 365	0.19%
27	Lã Văn Tư	010657094	29/12/2004	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	3 000	3 000	0.06%
28	Lê Minh Quang	012278202	10/9/1999	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	2 373	2 373	0.05%
29	Lê Ngọc Lan	170024604	23/12/1977	CA Thanh Hoá	Số 9 Ngõ 48/ 4Tõ Vĩnh Điện - TXuân - HN	1	1	0.00%
30	Lê Ngọc Thăng	010657335	29/12/2004	CA Hà Nội	Lã Côi - Yên Viên - Gia Lâm - HN	1 250	1 250	0.03%
31	Lê Thị Lanh	012721015	09/06/2004	CA Hà Nội	TT Nhà máy Vật liệu Bưu điện	7 691	7 691	0.15%
32	Lê Thị Minh Lý	010657404	29/12/2004	CA Hà Nội	Khu TT Vật Tư Bưu Điện - Yên Thường - HN	3 000	3 000	0.06%
33	Lê Văn Bình	011460334	29/12/2004	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	7 202	7 202	0.14%
34	Lê Văn Dũng	012619179	19/06/2003	CA Hà Nội	Lã Côi - Yên Viên - Gia Lâm - HN	5 000	5 000	0.10%
35	Lê Văn Ngọc	011297278	29/12/2004	CA Hà Nội	Nghĩa Vũ - Dục Tú - Đông Anh - Hà Nội	5 161	5 161	0.10%
36	Lê Văn Thép	011972222	19/07/1996	CA Hà Nội	Nghĩa Vũ - Dục Tú - Đông Anh - Hà Nội	500	500	0.01%
37	Lưu Đình Trọng	012967657	10/5/2007	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	1 000	1 000	0.02%
38	Lương Dũng	010657403	22/12/2003	CA Hà Nội	Số 59 -Tõ 24 Hoàng Văn Thụ - HBT - Hà Nội	4 000	4 000	0.08%
39	Mai Xuân Thịnh	012108024	23/04/1998	CA Hà Nội	Khu B TT NM Vật liệu Bưu điện	328	328	0.01%
40	Mai Xuân Đại	010431497	02/10/2003	CA Hà Nội	Số 16 Ngõ 1Trường Chinh - Thanh Xuân - HN	4 000	4 000	0.08%
41	Nghiêm T. Quỳnh Nga	012736480	06/08/2004	CA Hà Nội	Khu B TT NM Vật liệu Bưu điện	2 899	2 899	0.06%
42	Nguyễn Huy Hải	181137051	14/08/1979	CA Nghệ Tĩnh	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	5 000	5 000	0.10%



43	Nguyễn Cảnh Sáng	011037315	29/12/2004	CA Hà Nội	TT NM Vật liệu Bưu điện	7 227	7 227	0.14%
44	Nguyễn Duy Cường	125016861	07/10/2002	CA Bắc Ninh	Xóm Tây - Độ Xá - Ninh Xá - Bắc Ninh	5 180	5 180	0.10%
45	Nguyễn Hoàng Giang	012189747	16/03/1999	CA Hà Nội	Quy Mông - Yên Thường - Gia Lâm - Hà Nội	1 945	1 945	0.04%
46	Nguyễn Huy Hoàn	012402866	18/02/2001	CA Hà Nội	TT NM Vật liệu Bưu điện	3 000	3 000	0.06%
47	Nguyễn Hồng Vĩnh	011460345	11/07/2004	CA Hà Nội	SN 16 ngõ 32 Tô 7 Lê Mật - Việt Hưng - HN	5 356	5 356	0.11%
48	Nguyễn Hữu Thành	011297282	29/12/2004	CA Hà Nội	Đình Bảng - Từ Sơn - Bắc Ninh	8 302	8 302	0.17%
49	Nguyễn Khương Duy	010657061	26/04/1979	CA Hà Nội	Tô 2 - Giang Biên - Long Biên - Hà Nội	3 437	3 437	0.07%
50	Nguyễn Kiều Năng	010657113	29/12/2004	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	4 000	4 000	0.08%
51	Nguyễn Minh Chính	010657222	13/6/2009	CA Hà Nội	Bồ Đề - Gia Lâm - Hà Nội	5 790	5 790	0.12%
52	Nguyễn Minh Thảo	010644386	19/01/2003	CA Hà Nội	Số 18, ngách 670/37 Ngõ Gia Tự, LBiên, HNội	3 790	3 790	0.08%
53	Nguyễn Ngọc Láng	011117493	29/12/2004	CA Hà Nội	Yên Viên - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	4 143	4 143	0.08%
54	Nguyễn Ngọc Lưu	012721362	18/06/2004	CA Hà Nội	Yên Viên - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	502	502	0.01%
55	Nguyễn Ngọc Minh	011707439	15/3/2008	CA Hà Nội	Số 59 tổ 13B - Thanh Lương - HBT - HN	10 247	10 247	0.20%
56	Nguyễn Ngọc Quyền	121044123	07/03/1988	CA Hà Bắc	Chợ Chiều, Văn Môn, Yên Phong, Bắc Ninh	20 247	20 247	0.40%
57	Nguyễn Quốc Huy	012229259	10/04/2002	CA Hà Nội	TT Nhà máy Vật liệu Bưu điện	17	17	0.00%
58	Nguyễn Sỹ Hùng	012556443	16/09/2002	CA Hà Nội	Tô 1 Thị Trấn Đông Anh - Hà Nội	4 161	4 161	0.08%
59	Nguyễn Sỹ Tiến	012756752	30/12/2004	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	7 727	7 727	0.15%
60	Nguyễn Sỹ Đường	011779120	16/01/1998	CA Hà Nội	xóm 8 Thanh Dương - Thanh Chương NghệAn	6 468	6 468	0.13%
61	Nguyễn Thanh Hoàn	012967116	19/4/2007	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	2 028	2 028	0.04%
62	Nguyễn Thanh Mai	012756761	29/12/2004	CA Hà nội	SN 12- Tô 10 - Trường Lâm - Việt Hưng - HN	9 727	9 727	0.19%
63	Nguyễn Thanh Thủy	011460359	05/10/1997	CA Hà Nội	Tô 9 Phường Đức Giang - Long Biên - Hà Nội	4 000	4 000	0.08%
64	Nguyễn Thành Ngôn	125007414	25/03/1997	CA Bắc Ninh	1854 Lạc Long Quân - P10-Tân Bình-TP HCM	883	883	0.02%
65	Nguyễn Thăng Lợi	012469655	19/08/2001	CA Hà Nội	TT NM Vật liệu Bưu điện	2 764	2 764	0.06%

66	Nguyễn Thị Bình	010657339	29/1/2005	CA Hà Nội	Tổ 1 Trường Lâm - Việt Hưng - LBiên - H Nội	1 000	1 000	0.02%
67	Nguyễn Thị Bích Hiền	011779161	17/06/1996	CA Hà Nội	Xuân Dục - Yên Thường - GLâm - HN	1 891	1 891	0.04%
68	Nguyễn Thị Bích Loan	010657078	23/12/2004	CA Hà Nội	Tập thể nhà máy vật liệu Bưu điện	529	529	0.01%
69	Nguyễn Thị Cường	010651427	29/12/2004	CA Hà Nội	260 Phan Đăng Lưu - Yên Viên - GLâm - HN	5 000	5 000	0.10%
70	Nguyễn T.Hoàng Lan	013077727	21/5/2008	CA Hà Nội	TT XN sửa chữa ô tô Bưu điện -Y V- GL - HN	32	32	0.00%
71	Nguyễn Thị Huệ	011044612	15/10/2004	CA Hà Nội	Xóm Mới - Phù Dục -Phù Đổng - GL- HN	1 000	1 000	0.02%
72 *	Nguyễn Thị Hà	010646629	07/05/2004	CA Hà Nội	TT Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	3 247	3 247	0.06%
73	Nguyễn Thị Hoà	012394999	11/11/2000	CA Hà Nội	TT Bệnh Viện Đa Khoa Đức Giang	1 000	1 000	0.02%
74	Nguyễn Thị Hạnh	125026288	15/04/2003	CA Bắc Ninh	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	861	861	0.02%
75	Nguyễn Thị Hồng Hương	011460362	29/12/2004	CA Hà Nội	Số 9-D2đất đầu giá- Khu đô thị Việt Hưng - LBiên - HN	188	188	0.00%
76	Nguyễn Thị Hồng Thanh	010657346	29/12/2004	CA Hà Nội	Tổ 16 Phan Đăng Lưu - Yên Viên - Gia Lâm - HN	4 000	4 000	0.08%
77	Nguyễn Thị Liên	012756755	29/12/2004	CA Hà Nội	Xuân Dục - Yên Thường - GLâm - HN	4 300	4 300	0.09%
78	Nguyễn Thị Loan	010657406	27/04/1979	CA Hà Nội	Xuân Dục - Yên Thường - GLâm - HN	4 066	4 066	0.08%
79	Nguyễn Thị Mai	010496126	29/12/2004	CA Hà Nội	cụm 12 Tổ Yên Hà -SN 3 ngách 455/6 Hà Huy Tập - Yviên -HN	7 713	7 713	0.15%
80	Nguyễn Thị Mai Anh	012444475	23/05/2001	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	200	200	0.00%
81	Nguyễn Thị Minh	010657417	22/3/2006	CA Hà Nội	Cụm 12 Yên Hà - Yên Viên - Gia Lâm - HN	452	452	0.01%
82	Nguyễn Thị Minh Hà	010657109	16/04/2004	CA Hà Nội	Lã Côi - Yên Viên - Gia Lâm - HN	3 048	3 048	0.06%
83	Nguyễn Thị Minh Lịch	010657162	30/08/2003	CA Hà Nội	Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	5 898	5 898	0.12%
84	Nguyễn Thị Mạc	010657440	29/12/2004	CA Hà Nội	Khu C - TT NM Vật liệu Bưu điện	2 012	2 012	0.04%
85	Nguyễn Thị Ngọc	010657445	29/12/2004	CA Hà Nội	Ái Mộ - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	3 000	3 000	0.06%
86	Nguyễn Thị Nhiên	010657499	22/03/1993	CA Hà Nội	TT NM Vật liệu Bưu điện	15 449	15 449	0.31%

87	Nguyễn Thị Nhân	011491697	31/5/2006	CA Hà Nội	112 Đường Thiên Đức - Yên Viên - GL - HN	2 051	2 051	0.04%
88	Nguyễn Thị Nhân	011779119	10/03/1993	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	10 675	10 675	0.21%
89	Nguyễn Thị Năng Xuân	011779162	10/03/1993	CA Hà Nội	SN7 N475- Hà Huy Tập - YViên - GL - HN	1 962	1 962	0.04%
90	Nguyễn Thị Phương	010649800	24/04/1979	CA Hà Nội	Yên Viên - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	4 066	4 066	0.08%
91	Nguyễn Thị Sáng	011297270	29/12/2004	CA Hà Nội	Yên Viên - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	2 000	2 000	0.04%
92	Nguyễn Thị Thanh	010657433	29/12/2004	CA Hà Nội	TT NM Vật liệu Bưu điện	2 347	2 347	0.05%
93	Nguyễn Thị Thu Lệ	011460346	22/05/1999	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	6 000	6 000	0.12%
94	Nguyễn Thị Thuần	011297290	29/12/2004	CA Hà Nội	324 Bà Triệu - Lê Đại Hành - HBT - HN	4 184	4 184	0.08%
95	Nguyễn Thị Thế	010657387	11/07/2004	CA Hà Nội	Khu B TT NM Vật liệu Bưu điện	5 885	5 885	0.12%
96	Nguyễn Thị Tân	010661620	29/12/2004	CA Hà Nội	Liên Đàm - Yên Thường - GLâm - HN	3 962	3 962	0.08%
97	Nguyễn Tiến Dũng	010646951	30/12/2004	CA Hà Nội	SN 52 Tổ 4 Phúc Tân -Long Biên - HKiểm - Hà Nội	3 000	3 000	0.06%
98	Nguyễn Tiến Đức	011031631	07/08/2004	CA Hà Nội	Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	5 060	5 060	0.10%
99	Nguyễn Tá Dậu	010412178	29/12/2004	CA Hà Nội	SN 12- Ngõ 30 phố Hoa Lâm -Long Biên - HN	1 434	1 434	0.03%
100	Nguyễn Việt Thắng	010657312	15/4/2005	CA Hà Nội	Ái Mộ - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	5 298	5 298	0.11%
101	Nguyễn Việt Hà	011870115	19/01/2001	CA Hà Nội	480 Hà Huy Tập - Yên Viên - Gia Lâm - HN	1 945	1 945	0.04%
102	Nguyễn Văn Bảy	010646746	15/08/2003	CA Hà Nội	Yên Viên -Yên Viên - GLâm - Hà Nội	1 045	1 045	0.02%
103	Nguyễn Văn Cường	011473951	29/12/2004	CA Hà Nội	Xóm 2 Đồng Viên - Phù Đồng - Gia Lâm - HN	899	899	0.02%
104	Nguyễn Văn Dũng	010630272	29/12/2004	CA Hà Nội	Tổ 4 Giang Biên - Long Biên - Hà Nội	4 000	4 000	0.08%
105	Nguyễn Văn Hiền	010646970	29/12/2004	CA Hà Nội	Khu C TT NM Vật liệu Bưu điện	3 940	3 940	0.08%
106	Nguyễn Văn Hoan	011685455	23/04/1990	CA Hà Nội	Thôn Liên Đàm - xã Yên Thường - Gia Lâm - HN	5 310	5 310	0.11%
107	Nguyễn Văn Hoà	012527933	06/06/2002	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	5 691	5 691	0.11%
108	Nguyễn Văn Hải	010657268	22/03/1993	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	4 046	4 046	0.08%
109	Nguyễn Văn Lý	121407220	08/07/1999	CA BGiang	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	2 000	2 000	0.04%
110	Nguyễn Văn Sang	010657398	29/12/2004	CA Hà Nội	Ái Mộ - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	4 247	4 247	0.08%



111	Nguyễn Văn Sơn	011297269	09/10/2003	CA Hà Nội	TT NM Vật liệu Bưu điện	9 749	9 749	0.19%
112	Nguyễn Văn Thuận	011813699	05/07/2002	CA Hà Nội	TT Nhà máy Vật liệu Bưu điện	1 948	1 948	0.04%
113	Nguyễn Văn Tiến	010657118	27/04/1979	CA Hà Nội	TT NM Vật liệu Bưu điện	5 213	5 213	0.10%
114	Nguyễn Văn Toàn	011657326	01/11/1996	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	8 000	8 000	0.16%
115	Nguyễn Văn Đoàn	011986409	18/09/1996	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	1 000	1 000	0.02%
116	Nguyễn Xuân Phương	012631198	13/7/2005	CA Hà Nội	Yên Viên - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	546	546	0.01%
117	Nguyễn Xuân Trung	012170690	09/09/1998	CA Hà Nội	Phúc Thọ - Mai Lâm - Đông Anh - Hà Nội	3 145	3 145	0.06%
118	Nguyễn Đình Thảo	010657388	15/12/2004	CA Hà Nội	Yên Thường - Yên Thường - Gia Lâm - HN	12 577	12 577	0.25%
119	Nguyễn Đình Tuyên	010657010	15/10/2004	CA Hà Nội	Yên Thường - Yên Thường - Gia Lâm - HN	776	776	0.02%
120	Nguyễn Đình Tài	012416459	11/4/2001	CA Hà Nội	Yên Thường - Yên Thường - Gia Lâm - HN	7 310	7 310	0.15%
121	Nguyễn Đắc Đức	011779142	10/03/1993	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	2 281	2 281	0.05%
122	Nguyễn Đức Minh	010667294	08/05/2003	CA Hà Nội	Yên Khê - Yên Thường - Gia Lâm - HN	5 148	5 148	0.10%
123	Ngô Minh Phương	012463243	19/07/2001	CA Hà Nội	227 Phan Đăng Lưu - Gia Lâm - HN	400	400	0.01%
124	Ngô Quang Huy	011885040	08/05/1995	CA Hà Nội	Xuân Dục - Yên Thường - GLâm - HN	21	21	0.00%
125	Ngô Thị Hà	010657422	29/12/2004	CA Hà Nội	Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	4 370	4 370	0.09%
126	Ngô Thị Hồng	010657291	29/12/2004	CA Hà Nội	Xuân Dục - Yên Thường - Gia Lâm - HN	4 491	4 491	0.09%
127	Ngô Thị Hồng	010657371	29/12/2004	CA Hà Nội	Yên Khê - Yên Thường - Gia Lâm - Hà Nội	6 885	6 885	0.14%
128	Ngô Thị Minh	010657410	29/12/2004	CA Hà Nội	Yên Viên - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	6 334	6 334	0.13%
129	Ngô Thị Thanh Hương	011900574	23/08/1995	CA Hà Nội	N 376 Tổ 7 Phường Đức Giang - L Biên - HN	50	50	0.00%
130	Ngô Văn Bình	012151038	30/06/1998	CA Hà Nội	Tổ 12-P. Cự Khối - Long Biên - HN	146	146	0.00%
131	Ngô Văn Chính	011297277	29/12/2004	CA Hà Nội	Xuân Dục - Yên Thường - GLâm - HN	3 000	3 000	0.06%
132	Ngô Xuân Cường	011693757	17/04/1995	CA Hà Nội	Đốc Vân - Du Ngoại - Đông Anh - HN	5 749	5 749	0.11%
133	Ngô Đức Linh	011779249	07/07/2003	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	1 578	1 578	0.03%
134	Phan Thị Hồng	012756741	29/12/2004	CA Hà Nội	TT NM Vật liệu Bưu điện	5 609	5 609	0.11%
135	Phan Tất Tráng	010657139	04/01/1997	CA Hà Nội	Đức Giang - Gia Lâm - HN	840	840	0.02%



136	Phan Văn Minh	010614325	29/12/2004	CA Hà Nội	Khu C - TT NM Vật liệu Bưu điện	1 000	1 000	0.02%
137	Phó Thị Kim Ngân	013015373	9/11/2007	CA Hà Nội	Số 1 hẻm 622/17/15 Hà Huy Tập - GLâm - HN	300	300	0.01%
138	Phó Thị Xuyên	010657265	30/08/2003	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	3 815	3 815	0.08%
139	Phùng Thị Lê	010615400	28/01/2002	CA Hà Nội	B19 Tô 17 Phường Đức Giang - LBiên - HN	2 390	2 390	0.05%
140	Phạm Duy Hưng	012756743	29/12/2004	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	75	75	0.00%
141	Phạm Thị Lý	011986370	16/09/1996	CA Hà Nội	Khu B TT NM Vật liệu Bưu điện	5 000	5 000	0.10%
142	Phạm Văn Lượng	010657008	30/12/2004	CA Hà Nội	Đông Trù - Đông Hội - Đông Anh - Hà Nội	6 000	6 000	0.12%
143	Phạm Xuân Thơ	010657446	29/12/2004	CA Hà Nội	Yên Thường - Yên Thường - Gia Lâm - HN	4 596	4 596	0.09%
144	Thái Thị Nhung	070657350	05/06/1998	CA Hà Nội	TT NM Vật liệu Bưu điện	2 500	2 500	0.05%
145	Trương Thị Châu	010656266	29/12/2004	CA Hà Nội	Khu C - TT NM Vật liệu Bưu điện	3 521	3 521	0.07%
146	Trương Trường Thành	012094886	19/01/1998	CA Hà Nội	115 Ngõ 285 - Đội cấn - Ba Đình - HN	882	882	0.02%
147	Trương Đình Nhật	012631354	24/07/2003	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	11 876	11 876	0.24%
148	Trần Mạnh Tư	010657038	26/04/1979	CA Hà Nội	Xuân Dục - Yên Thường - GLâm - HN	1 373	1 373	0.03%
149	Trần Quang Vinh	010544397	29/12/2004	CA Hà Nội	Tổ 2 Phúc Đồng - Long Biên - Hà Nội	2 000	2 000	0.04%
150	Trần Quốc Tuấn	010651235	11/07/2002	CA Hà Nội	Tổ 9 Phường Đức Giang - Long Biên - Hà Nội	4 727	4 727	0.09%
151	Trần Thị Huyền	010657377	05/06/1999	CA Hà Nội	Cống Thôn - Yên Viên - Gia Lâm - HN	4 560	4 560	0.09%
152	Trần Thị Lan	011157118	29/12/2004	CA Hà Nội	Số 10 - TT T28 Phương Mai - Đống Đa - HN	6 962	6 962	0.14%
153	Trần Thị Ly	010657432	29/12/2004	CA Hà Nội	Xuân Dục - Yên Thường - GLâm - HN	2 500	2 500	0.05%
154	Trần Thị Nghị	010657450	13/04/2004	CA Hà Nội	Số 105 - Văn Hương - Đống Đa - Hà Nội	12 373	12 373	0.25%
155	Trần Thị Nhung	010663499	11/05/2001	CA Hà Nội	Xuân Dục - Yên Thường - GLâm - HN	3 000	3 000	0.06%
156	Trần Thị Quang	010652918	14/10/1983	CA Hà Nội	Khu B TT NM Vật liệu Bưu điện	3 000	3 000	0.06%
157	Trần Thị Thanh Mai	011491550	02/6/2006	CA Hà Nội	TT NM Vật liệu Bưu điện	2 000	2 000	0.04%
158	Trần Thị Thuý Bình	012491935	07/03/2002	CA Hà Nội	Xuân Dục - Yên Thường - GLâm - HN	6 000	6 000	0.12%
159	Trần Thị Thuý	010657131	29/12/2004	CA Hà Nội	221 Phan Đăng Lưu - Yên Viên - Hà Nội	4 173	4 173	0.08%
160	Trần Thị Tâm	010657370	29/12/2004	CA Hà Nội	1105 Ngõ Gia Tự - Đức Giang - L Biên - HN	7 000	7 000	0.14%



161	Trần Thị Xuân Thơ	012721062	06/7/2006	CA Hà Nội	TT NM Vật liệu Bưu điện	2 000	2 000	0.04%
162	Trần Đăng Vượng	011460342	26/09/2003	CA Hà Nội	Lã Côi - Yên Viên - Gia Lâm - HN	673	673	0.01%
163	Trịnh Thị Tuyên	011619732	29/12/2004	CA Hà Nội	Số 18, ngách 670/37 Ngô Gia Tự, Đứơc Giang, Long Biên, Hà Nội	2 078	2 078	0.04%
164	Trịnh Văn Hiến	012229059	28/04/1999	CA Hà Nội	Khu C - TT NM Vật liệu Bưu điện	500	500	0.01%
165	Tân Thị Thịnh	012100178	04/03/1998	CA Hà Nội	Trùng Quán - Yên Thường - Gia Lâm - Hà Nội	7 115	7 115	0.14%
166	Tân Văn Trường	010657307	29/12/2004	CA Hà Nội	Quy Mông - Yên Thường - Gia Lâm - Hà Nội	5 700	5 700	0.11%
167	Tạ Đình Hân	012441947	19/05/2001	CA Hà Nội	Khu TT Đầu máy - Lã Côi - YViên - GL - HN	4 129	4 129	0.08%
168	Vũ Ngọc Diệp	012572188	19/6/2006	CA Hà Nội	P209 Nhà 7A TT Trường ĐHTLợi - T Liệt - HN	1 500	1 500	0.03%
169	Vũ Quốc Huy	162166803	06/03/1997	CA Nam Định	Tư Đình - Long Biên - Long Biên - Hà Nội	167	167	0.00%
170	Vũ Quốc Thành	164098196	05/09/1998	CA Ninh Bình	Số 73 Phan Đăng Lưu - Yên Viên - GL - HN	2	2	0.00%
171	Vũ Thị Bích Nhung	010657046	21/04/2001	CA Hà Nội	Yên Thường - Yên Thường - Gia Lâm - HN	8 428	8 428	0.17%
172	Vũ Thị Hoàng Lan	011897788	07/07/1995	CA Hà Nội	SN30 Ngõ 25B Cát Linh - Đống Đa - HN	382	382	0.01%
173	Vũ Thị My	011460336	29/12/2004	CA Hà Nội	12 N158/25 Nguyễn Sơn - Long Biên - HN	1 290	1 290	0.03%
174	Vũ Việt Thanh	011797487	29/12/2004	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	2 000	2 000	0.04%
175	Vũ Văn Oanh	011297283	13/11/1998	CA Hà Nội	Yên Khê - Yên Thường - Gia Lâm - HN	3 428	3 428	0.07%
176	Vũ Đăng Hùng	012229119	27/01/2003	CA Hà Nội	TT Nhà máy Vật liệu Bưu điện	832	832	0.02%
177	Vương Mạnh Thanh	011813691	08/11/1999	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	2 307	2 307	0.05%
178	Vương Thị Tựu	012756890	28/1/2005	CA Hà Nội	Xuân Dục - Yên Thường - GLâm - HN	3 000	3 000	0.06%
179	Đình Thị Kim Anh	011179208	11/07/2004	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	4 000	4 000	0.08%
180	Đình Văn Thắng	011986451	18/09/1996	CA Hà Nội	221 Phan Đăng Lưu - Yên Viên - Hà Nội	2 307	2 307	0.05%
181	Đoàn Minh Hùng	010657372	08/10/1996	CA Hà Nội	Yên Viên - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	5 000	5 000	0.10%
182	Đoàn Thị Vinh	010646546	29/12/2004	CA Hà Nội	Khu C - TT NM Vật liệu Bưu điện	2 500	2 500	0.05%
183	Đàm Thị Bích Phương	010657427	2/12/2005	CA Hà Nội	Lã Côi - Yên Viên - Gia Lâm - HN	6 500	6 500	0.13%



184	Đàm Thị Chập	010657311	15/01/2003	CA Hà Nội	Xuân Dục - Yên Thường - GLâm - HN	3 108	3 108	0.06%
185	Đào Nguyên Xuân	011297293	20/3/2005	CA Hà Nội	Xóm 3 Chử Vân Nội - Đông Anh - Hà Nội	1 000	1 000	0.02%
186	Đào Ngọc Động	010657161	29/12/2004	CA Hà Nội	Khu C TT NM Vật liệu Bưu điện	4 566	4 566	0.09%
187	Đào Thị Quỳnh Nhung	011843053	15/06/1994	CA Hà Nội	Khu C - TT NM Vật liệu Bưu điện	1 824	1 824	0.04%
188	Đậu Hải Duyên	012349360	17/05/2000	CA Hà Nội	TT NM Vật liệu Bưu điện	582	582	0.01%
189	Đặng Thị Kim Lan	010648298	29/12/2004	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	5 922	5 922	0.12%
190	Đặng Thị Thanh Hà	012034850	18/06/1997	CA Hà Nội	Số 6 tổ 13B - Phường Thanh Lương - HBT HN	7 282	7 282	0.15%
191	Đặng Thị Thơm	010649813	29/12/2004	CA Hà Nội	TT NM Vật liệu Bưu điện	7 000	7 000	0.14%
192	Đặng Thị Tuyết Minh	010651377	11/07/2004	CA Hà Nội	Yên Viên - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	6 727	6 727	0.13%
193	Đặng Thị Vân	010657394	29/12/2004	CA Hà Nội	15 ngõ 475 - Hà Huy Tập - GLâmHN	8 885	8 885	0.18%
194	Đặng Tài Viên	011095188	10/10/1996	CA Hà Nội	Yên Viên - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	3 000	3 000	0.06%
195	Đặng Văn Dé	010657281	29/12/2004	CA Hà Nội	Yên Viên - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	3 000	3 000	0.06%
196	Đặng Văn Thực	010657018	29/12/2004	CA Hà Nội	Yên Viên - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	2 000	2 000	0.04%
197	Đỗ Hoàng Ban	011491766	29/12/2004	CA Hà Nội	Lã Côi - Yên Viên - Gia Lâm - HN	2 000	2 000	0.04%
198	Đỗ Hữu Phẩm	010657093	06/05/1998	CA Hà Nội	Số 29 TT Dược - Đông Quan - Cầu Giấy - HN	7 735	7 735	0.15%
199	Đỗ Thị Lan Anh	011874748	11/11/2009	CA Hà Nội	SN21- Ngõ 87 Trường Lâm- ĐG- LBiên HN	100	100	0.00%
200	Đỗ Thị Quyên	012756401	01/12/2004	CA Hà Nội	Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	3 263	3 263	0.07%
201	Đỗ Thị Sơn	010646992	26/04/1979	CA Hà Nội	Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	3 000	3 000	0.06%
202	Đỗ Thị Thanh	012356610	16/06/2000	CA Hà Nội	Ái Mộ - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	5 085	5 085	0.10%
203	Đỗ Thị Thanh	010657017	29/12/2004	CA Hà Nội	Yên Thường - Yên Thường - Gia Lâm - HN	146	146	0.00%
204	Đỗ Thị Thơ	010646998	29/12/2004	CA Hà Nội	TT NM Vật liệu Bưu điện	6 129	6 129	0.12%
205	Đỗ Tiên Bình	125399582	19/4/2007	CA Bắc Ninh	Chợ Chiêu, Văn Môn, Yên Phong, Bắc Ninh	42 319	42 319	0.85%
206	Đỗ Việt Tuyền	012871491	4/5/2006	CA Hà Nội	Khu A TT NM Vật liệu Bưu điện	647	647	0.01%
207	Đỗ Văn Khoa	010485060	16/06/2004	CA Hà Nội	Khu B TT NM Vật liệu Bưu điện	6 000	6 000	0.12%



Số: 27 /TTr-TELVINA

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2023

TỜ TRÌNH

V.v đề nghị thông qua quyết định thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua quyết định thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty (có bản dự thảo Quyết định kèm theo).

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 về nội dung bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp như sau:

1. Cập nhật ngành nghề kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật như sau:

STT	Ngành nghề kinh doanh cũ		Ngành nghề kinh doanh mới	
	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1.	Xây dựng công trình công ích	4220	Xây dựng công trình điện	4221
			Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
			Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223 (ngành chính)
			Xây dựng công trình công ích khác	4229
2.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
3.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210	Xây dựng công trình đường sắt	4211
			Xây dựng công trình đường bộ	4212

645
TY
AN
ÔNG
INA
AM
T.P.V

4.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290	Xây dựng công trình thủy	4291
			Xây dựng công trình khai khoáng	4292
			Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
			Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
5.	Xây dựng nhà các loại	4100	Xây dựng nhà để ở	4101
			Xây dựng nhà không để ở	4102

2. Cập nhật số điện thoại Công ty như sau: 024.38780451

3. Cập nhật số Fax Công ty như sau: 024.38780023

4. Cập nhật thông tin CCCD của ông TÔ CHÍ THÀNH là người đại diện theo pháp luật công ty như sau:

CCCD số: 001071027886

Ngày cấp: 25/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Ngày hết hạn: 19/05/2031

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua. *HT*

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu HS Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Hải

**QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM**

(V/v: Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh)

- ◆ Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- ◆ Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam;
- ◆ Căn cứ Biên bản họp số 01/2023/BB-TELVINA ngày 21/03/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Viễn Thông Telvina Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty như sau:

1. Đăng ký thay đổi trụ sở chính công ty:

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi: Ngõ 41 Đường Yên Thường, Xã Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024.38780451

Fax: 024.38780023

Email: info@telvina.vn

Website: http://www.telvina.vn

2. Sửa đổi Điều lệ Công ty:

Công ty đã sửa đổi nội dung điều lệ về địa chỉ trụ sở chính của công ty. Điều lệ sửa đổi được các cổ đông Công ty thông qua ngày 21/3/2023.

Điều 2: Giao cho Ông TÔ CHÍ THÀNH – Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh như nêu tại điều 1.

Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của công ty và các thành viên liên quan có trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Phòng ĐKKD TP Hà Nội (để thực hiện thay đổi ĐKKD);
- Các cổ đông;
- Như điều 3;
- Lưu./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Tô Chí Thành

Số: 45/TTr-TELVINA

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

V.v đề nghị thông qua việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát của Công ty

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023


- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam; Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.
- Căn cứ vào quy mô hoạt động và tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty hiện nay.

(có các bản dự thảo kèm theo)

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Bản Tờ trình này thay thế cho bản Tờ trình số 28/TTr-TELVINA ngày 22/02/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam về việc đề nghị thông qua việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát của Công ty.

Trân trọng! 

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu HS Đại hội.

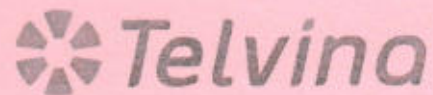
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Hải



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM



**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA
VIỆT NAM**

Hà Nội, tháng 3 năm 2023

Số: 17/QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 21 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Điều 2: Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký quyết định ban hành và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 biểu quyết nhất trí thông qua.

Quy chế này thay thế Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được ban hành kèm theo Quyết định số 22/QĐ-HĐQT ngày 10/01/2005.

Điều 3: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Tổng Giám đốc;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Hải

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 17/QĐ-HĐQT ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và các đơn vị, cá nhân liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Con dấu của Công ty được sử dụng để đóng trên các văn bản do HĐQT ban hành.

**Chương II
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

3. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin:

- Tất cả thông tin, báo cáo đều được thực hiện bằng văn bản chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Văn bản đề nghị cung cấp thông tin và các báo cáo cung cấp thông tin có thể gửi bằng đường thư, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác đến bộ phận Văn thư của Công ty.

- Trong vòng bảy (07) ngày làm việc, Công ty phải gửi báo cáo cung cấp thông tin đến Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có 03 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

- Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

- Tổng số thành viên được gọi là thành viên độc lập trong Hội đồng quản trị tại Công ty phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác, nhưng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy chế này phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty hoặc công ty con của Công ty;

b) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty.

3. Thành viên được gọi là thành viên độc lập trong Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy chế này phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ

sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm số lượng theo quy định tại Quy chế này;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Ứng cử, đề cử, cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

1. Ứng cử, đề cử.



Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ này.

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên.

2. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

- Đại hội bầu thành viên Hội đồng quản trị bằng hình thức bỏ phiếu kín.

+ Phiếu bầu là phiếu được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông tại ngày tổ chức họp, để biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị.

+ Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị được in trên giấy màu Cam.

+ Trên phiếu bầu có phần 1: thể hiện Mã số cổ đông, Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện, Tổng số phiếu bầu. Một phiếu bầu thể hiện quyền bầu tương ứng với số lượng cổ phần cổ đông đó nắm giữ; phần 2: Danh sách ứng cử viên Hội đồng quản trị được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, có ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

+ Khi nhận phiếu bầu, cổ đông phải kiểm tra lại xem tổng số cổ phần ghi trên tờ phiếu bầu có đúng bằng số cổ phần mình đã đăng ký hay không và/hoặc tổng số phiếu bầu của cổ đông hoặc đại diện có đúng và đủ theo phương thức bầu dồn phiếu không. Nếu không đúng thì đề nghị ngay với Ban Kiểm phiếu kiểm tra và xác nhận lại.

- Cách thức biểu quyết: Dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải tự mình ghi số phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu. Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (có giấy ủy quyền), người được ủy quyền có đầy đủ quyền bầu cử; Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác; Cổ đông có thể ký tên và ghi rõ họ tên vào Phiếu bầu. Sau khi hoàn thành tất cả các nội dung cần biểu quyết, cổ đông gửi Phiếu biểu quyết vào hòm phiếu đã được chuẩn bị sẵn.

- Phiếu bầu không hợp lệ là: phiếu không do Ban tổ chức phát hành, phiếu có gạch xóa, sửa chữa nội dung mà không có xác nhận. Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu của cổ đông hoặc đại diện ủy quyền.

- Đối với biểu quyết bầu cử thành viên Hội đồng quản trị: thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu bằng tổng số cổ phần sở hữu và đại diện của cổ đông nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị. Tổng số phiếu bầu

thành viên Hội đồng quản trị của mỗi cổ đông = Tổng số cổ phần sở hữu/đại diện của Cổ đông x 3 (3 là số lượng thành viên bầu vào Hội đồng quản trị). Cổ đông có thể dồn hết tổng số phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên.

+ Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

+ Trường hợp có từ hai (02) ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

+ Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng cần bầu.

2. Đại hội miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu biểu quyết.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- Các thông tin khác (nếu có).
- Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;

r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cả nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

d) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiêu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiêu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiêu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiêu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiêu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d. Trường hợp khác theo quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên (nếu có).

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do người triệu tập họp quyết định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp, trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo thông báo mời họp.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị.

a) Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

b) Giấy ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị phải được gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) ngày trước ngày họp, kèm theo Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân, hộ chiếu của người được ủy quyền.

c) Giấy ủy quyền phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân, hộ chiếu của người ủy quyền và người được ủy quyền, nội dung và phạm vi ủy quyền, thời gian hiệu lực của ủy quyền.

d) Người ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về các hành động, quyết định của người được ủy quyền thực hiện theo ủy quyền tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ này.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết thông qua tại cuộc họp.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị.

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm.

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan.

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành.

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết/quyết định để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết/quyết định.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Điều 24. Mối quan hệ với Cổ đông.

1. Các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo trung thực, chính xác đến cổ đông về hoạt động của Công ty và kết quả triển khai thực hiện các nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị chỉ đạo việc giải quyết các chất vấn và giải quyết các kiến nghị, đề nghị của cổ đông đối với Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam bao gồm 7 chương và 25 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 3 năm 2023.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Hải



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA
VIỆT NAM

Hà Nội, tháng 3 năm 2023

Số: 14/QĐ-BKS

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN KIỂM SOÁT

VỀ VIỆC BAN HÀNH Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CP VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 21 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Điều 2: Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký quyết định ban hành và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 biểu quyết nhất trí thông qua.

Quy chế này thay thế Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-HĐQT ngày 06/01/2005.

Điều 3: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Tổng Giám đốc;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT



Nguyễn Hữu Thành

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 14/QĐ-BKS ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được áp dụng cho Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát và các đơn vị, cá nhân liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát.

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quy chế về quản trị nội bộ Công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.

1. Ban Kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát.

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

d) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của

Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban Kiểm soát.

1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát.

a) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;

d) Thay mặt Ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm qui định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

e) Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

f) Trao đổi ý kiến với Chủ tịch Hội đồng quản trị (hoặc người được ủy quyền) về các nội dung trong báo cáo của Ban Kiểm soát trước khi trình Đại hội đồng cổ đông.

g) Chủ trì xây dựng, sửa đổi, bổ sung và ký ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

h) Tổ chức thực hiện chương trình kế hoạch giám sát, kiểm tra của Ban Kiểm soát;

i) Chịu trách nhiệm đôn đốc các kiểm soát viên triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban Kiểm soát; triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban Kiểm soát.

j) Ủy quyền cho Kiểm soát viên đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban trong thời gian vắng mặt;

k) Đại diện tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát.

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử ứng cử viên Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban Kiểm soát.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Ứng cử, đề cử, cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

1. Ứng cử, đề cử, thành viên Ban kiểm soát.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

2. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Đại hội bầu thành viên Ban Kiểm soát bằng hình thức bỏ phiếu kín.

+ Phiếu bầu là phiếu được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông tại ngày tổ chức họp, để biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát.

+ Phiếu bầu thành viên Ban Kiểm soát được in trên giấy màu Vàng.

+ Trên phiếu bầu có phần 1: thể hiện Mã số cổ đông, Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện, Tổng số phiếu bầu. Một phiếu bầu thể hiện quyền bầu tương ứng với số lượng cổ phần cổ đông đó nắm giữ; phần 2: Danh sách ứng cử viên Ban Kiểm soát được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, có ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

+ Khi nhận phiếu bầu, cổ đông phải kiểm tra lại xem tổng số cổ phần ghi trên tờ phiếu bầu có đúng bằng số cổ phần mình đã đăng ký hay không và/hoặc tổng số phiếu bầu của cổ đông hoặc đại diện có đúng và đủ theo phương thức bầu dồn phiếu không. Nếu không đúng thì đề nghị ngay với Ban Kiểm phiếu kiểm tra và xác nhận lại.

- Cách thức biểu quyết: Dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải tự mình ghi số phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu. Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (có giấy ủy quyền), người được ủy quyền có đầy đủ quyền bầu cử; Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác; Cổ đông có thể ký tên và ghi rõ họ tên vào Phiếu bầu. Sau khi hoàn thành tất cả các nội dung cần biểu quyết, cổ đông gửi Phiếu biểu quyết vào hòm phiếu đã được chuẩn bị sẵn.

+ Phiếu bầu không hợp lệ là: phiếu không do Ban tổ chức phát hành, phiếu có gạch xóa, sửa chữa nội dung mà không có xác nhận. Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu của cổ đông hoặc đại diện ủy quyền.

- Đối với biểu quyết bầu cử thành viên Ban Kiểm soát: thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu bằng tổng số cổ phần sở hữu và đại diện của cổ đông nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát. Tổng số phiếu bầu thành viên Ban Kiểm soát của mỗi cổ đông = Tổng số cổ phần sở hữu/đại diện của Cổ đông x 3 (3 là số lượng thành viên bầu vào Ban Kiểm soát). Cổ đông có thể dồn hết tổng số phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên.

+ Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

+ Trường hợp có từ hai (02) ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

+ Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng cần bầu.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

d) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao (nếu có).

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

d) Tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị: Ban Kiểm soát được cung cấp các tài liệu liên quan như đối với thành viên Hội đồng quản trị; có quyền phát biểu ý kiến, kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu Ban Kiểm soát có ý kiến khác với những quyết nghị của Hội đồng quản trị, được quyền bảo lưu ý kiến của mình vào Biên bản cuộc họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc, sau khi đã trao đổi trước với Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty về kế hoạch thực hiện.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát.

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát.

Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm.

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác.

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan.

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành.

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành đảm bảo tính hợp lý, minh bạch, trung thực, tuân thủ chính sách của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật. •

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị đảm bảo tính hợp lý, minh bạch, trung thực, tuân thủ chính sách của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành.

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam bao gồm 7 chương và 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 3 năm 2023.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Hữu Thành